

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;**

Trụ sở chính: 131, đường Trần Hưng Đạo, Ninh Kiều, Cần Thơ;

Điện thoại: 0290 3510 191 Fax: 0290 3510 191

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Thắng - Giám đốc công ty

Số CMND: 025465812 Ngày cấp: 20/10/2011 Nơi cấp: CA Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: B5.1 Lô B, Cc TDH Trường thọ, số 36A, đường số 4, P.Trường thọ, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, nhà riêng, cơ quan): 0908 031 882

Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Căn cứ Thông báo số 52/TB-HĐQT-ĐTĐK ngày 24/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (MGD: PVC-Mekong, MCK: PXC) về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí công bố thông tin về nội dung và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (theo chi tiết đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. Tất cả các tài liệu được đăng tải trên website <https://pvcmekong.com.vn>.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Văn Thắng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
Địa chỉ: Lô D - Khu đô thị Dầu khí, Ngô Quyền, phường 1, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Cà Mau, tháng 6 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí

| Stt | Thời gian | Nội dung |
|-----|---------------|---|
| 1 | 07:30 - 08:30 | - Tiếp đón Đại biểu tham dự Đại hội và Kiểm tra tư cách cổ đông |
| 2 | 08:30 - 08:50 | - Chào cờ, giới thiệu đại biểu; - Trường Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội; - Khai mạc ĐHDCĐ; - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch Đại hội; |
| 3 | 08:50 - 09:00 | - Giới thiệu và thông qua Thư ký Đại hội; - Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu Đại hội; - Thông qua Chương trình và Quy chế Tổ chức của Đại hội; - Thông qua Quy chế bầu cử của Đại hội. |
| 4 | 9:00 - 11:40 | Nội dung 1: Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí. Biểu quyết thông qua Nội dung 1. Nội dung 2: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021, kế hoạch nhiệm vụ năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí; Nội dung 3: Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 Nội dung 4: Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát Công ty Nội dung 5: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; |

| Stt | Thời gian | Nội dung |
|-----|---------------|--|
| | | <p>Nội dung 6: Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch năm 2022;</p> <p>Nội dung 7: Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;</p> <p>Nội dung 8: Tờ trình về việc quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022;</p> <p>Nội dung 9: Tờ trình về việc đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí;</p> <p>Nội dung 10: Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí;</p> <p>Nội dung 11: Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí</p> <p>Nội dung 12: Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí</p> <p>Nội dung 13: Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí</p> <p>Tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>- Phát biểu của lãnh đạo cấp trên (nếu có).</p> <p>- Cổ đông thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> |
| 5 | 11:40 - 12:00 | <p>- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu.</p> <p>- Đại hội nghỉ giải lao</p> |
| 6 | 12:00 - 12:15 | <p>- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung và kết quả bầu cử</p> <p>- Ra mắt thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được bầu</p> |
| 7 | 12:15- 12:30 | <p>- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội</p> |

| Stt | Thời gian | Nội dung |
|-----|-----------|-------------------|
| 8 | 12:30 | - Bế mạc Đại hội. |



Nguyễn Trung Trí

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (sau đây gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt vào ngày 20/6/2022) hoặc người được ủy quyền tham dự hợp lệ được quyền tham dự Đại hội.

2. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

b) Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

c) Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai Chương trình Đại hội và những tài liệu cần thiết khác theo quy định của pháp luật. Tất cả ý kiến của các cổ đông trực tiếp tham gia hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình sẽ được thảo luận tại Đại hội.

d) Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mang theo Thông báo mời họp/Thư mời họp, Giấy tờ tùy thân bản gốc (CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu) Giấy ủy quyền bản gốc (đối với đại diện cổ đông) nộp cho Ban tổ chức và được nhận Phiếu biểu quyết mà cổ đông hoặc đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

đ) Tại Đại hội, các cổ đông hoặc đại diện cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung, sẽ cùng thảo luận và thông qua từng nội dung chương trình Đại hội.

e) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đối tượng này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

b) Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

4. Ủy quyền tham dự Đại hội:

a) Cổ đông được ủy quyền cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền của cổ đông trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

b) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện bằng văn bản theo đúng những nguyên tắc sau:

+ Đối với cổ đông là cá nhân, văn bản ủy quyền phải được cổ đông (người ủy quyền) ký.

+ Đối với cổ đông là pháp nhân/tổ chức, văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội gồm: Đoàn chủ tịch, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và Thư ký Đại hội

Để tiến hành Đại hội, Hội đồng quản trị Công ty đề cử Ban tổ chức gồm: Đoàn chủ tịch, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và Thư ký Đại hội để Đại hội biểu quyết thông qua.

1. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

- Đoàn chủ tịch gồm 03 - 05 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban tổ chức (gồm: Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu) để Đại hội thông qua.

- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

- Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc cần thiết để điều hành các hoạt động Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

- Hướng dẫn đại biểu và Đại hội thảo luận. Trình dự thảo và các vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời hoặc chỉ định người có trách nhiệm giải đáp những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

+ Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

+ Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

- Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội; Lập danh sách cổ đông có mặt tham dự Đại hội; Tiếp nhận các giấy tờ của đại biểu đến tham dự Đại hội; Phát các tài liệu và Phiếu biểu quyết.

- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban tổ chức có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:

- Hướng dẫn, phổ biến các nguyên tắc, nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.

- Phát phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử cho các cổ đông, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

- Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Thực hiện thủ tục kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- Bàn giao Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử đã niêm phong cho Ban tổ chức Đại hội.

- Việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đó.

4. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề

đã được các cổ đông hoặc đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch soạn thảo và công bố Biên bản và Nghị quyết của Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội và các thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu.

- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn chủ tịch.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt vào ngày 20/6/2022.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 30% tổng số phiếu biểu quyết trở lên theo danh sách cổ đông chốt vào ngày 20/6/2022.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 7. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung: Theo tài liệu đã gửi đến từng cổ đông.

2. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Chương trình và Quy chế Đại hội;
- Thông qua Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông;
- Thông qua các nội dung trong Chương trình Đại hội;
- Phát biểu của Đại biểu tham dự;
- Phát biểu của đại diện Ban lãnh đạo Công ty;
- Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

2. Biểu quyết tại Đại hội

Ngoài Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (Màu xanh), Ban Kiểm soát (Màu Hồng), mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông được phát 01 Thẻ biểu quyết (Màu trắng) và 02 Phiếu biểu quyết (Màu vàng).

Thẻ biểu quyết: được in trên giấy màu trắng, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung:

- Thông qua Đoàn Chủ tịch;
- Thông qua thành phần Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu Đại hội;
- Thông qua Chương trình Đại hội;
- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội;
- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thông qua các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Các cổ đông chỉ được sử dụng Thẻ biểu quyết để thông qua một lần một nội dung cụ thể. Cổ đông giơ Thẻ biểu quyết mỗi khi Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến cho mỗi vấn đề cần xin ý kiến. Thẻ biểu quyết này được sử dụng khi cổ đông muốn phát biểu ý kiến và khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề nêu trên.

Phiếu biểu quyết:

Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết, trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Phiếu biểu quyết số 1: được in trên giấy màu vàng, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung chính sau:

- Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Phiếu biểu quyết số 2: được in trên giấy màu vàng, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung chính sau:

- Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021, kế hoạch nhiệm vụ năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí;
- Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát Công ty;
- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
- Tờ trình về việc quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022;
- Tờ trình về việc đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
- Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
- Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
- Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
- Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Trường hợp vì lý do cá nhân mà cổ đông không tham dự xuyên suốt thời gian tổ chức đại hội và không thông báo với Đoàn chủ tịch thì xem như cổ đông đó tán thành tất cả nội dung biểu quyết của Đại hội kể từ thời điểm rời khỏi hội trường.

Đối với các vấn đề biểu quyết để thông qua, cổ đông thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn chủ tịch theo hình thức giơ Phiếu biểu quyết lựa chọn một trong các phương án: đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến theo từng vấn đề cần thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Thông qua Quyết nghị của cuộc họp Đại hội cổ đông

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc: loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; Tổ chức lại, giải thể công ty được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (trừ nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát) trong Chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 10. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch.

- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn Chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

Chương IV
KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 11. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

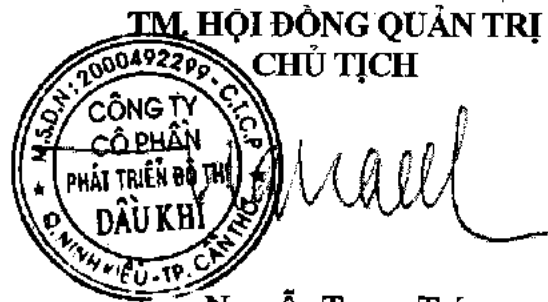
Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi thành Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Quy chế này gồm 5 Chương, 12 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.



Nguyễn Trung Trí

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2022

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí;

Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 theo các quy định sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 20/6/2022).

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác;

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc

người lao động của Công ty;

- d) Thành viên Ban Kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:
- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 3. Đề cử ứng cử viên HĐQT/Ban Kiểm soát và số thành viên được bầu

3.1. Đề cử ứng cử viên HĐQT/BKS

- a) Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt chốt ngày 20/6/2022) có quyền đề cử các ứng viên vào HĐQT/Ban Kiểm soát.
- b) Số lượng được đề cử ứng viên vào HĐQT/Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:
- Đề cử ứng cử viên HĐQT:
 - ✓ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01(một) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 thành viên, từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên;
 - ✓ Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 - Đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát
 - ✓ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên;
 - ✓ Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử vào HĐQT/Ban Kiểm soát

- a) Đơn ứng cử hoặc đề cử của ứng cử viên tham gia thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát;
- b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- c) Bản sao hợp lệ CMND/hộ chiếu;
- d) Bản sao hợp lệ các văn bằng chứng nhận trình độ văn hóa, chuyên môn.

- ❖ **Lưu ý:** Người được đề cử, ứng cử vào HĐQT/Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác trung thực của nội dung hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

3.3. Số lượng thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát được bầu

- a) Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là 01 (hai) thành viên.
- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 01 (hai) thành viên.
- c) Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát: 5 năm (2022 - 2027).

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1. Danh sách ứng cử viên HĐQT/Ban Kiểm soát

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- a) Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời:
 - Một (01) phiếu bầu thành viên HĐQT (màu xanh); theo mã số tham dự tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền;
 - Một (01) phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát (màu hồng) theo mã số tham dự tương ứng với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền;
- b) Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu biểu quyết theo mã số tham dự;
- c) Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- d) Cổ đông phải tự mình ghi số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

4.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- a) Phiếu không theo mẫu quy định của Tổng Công ty, không có dấu của Tổng Công ty;
- b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- c) Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông/đại diện cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đó;
- d) Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

Điều 5. Phương thức bầu cử

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát thực hiện trực tiếp bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu đôn phiếu.
- b) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/Ban Kiểm soát.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban Kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
 - Thực hiện thủ tục kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Thư ký Đại hội và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
 - Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.
- c) Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT/Ban Kiểm soát;

6.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát

a) Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu từ cao đến thấp cho đến đủ số lượng cần bầu.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

b) Nguyên tắc trúng cử thành viên Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm soát trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu từ cao đến thấp cho đến đủ số lượng cần bầu.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- a) Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT/Ban Kiểm soát;

b) Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 09 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Trí



Số: **53** /TT- HĐQT- ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí đã sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/8/2015.

Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật số 03/2022/QH15, Nghị định, Thông tư hướng dẫn mới ban hành và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí giai đoạn hiện nay. Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí. Điều lệ được sửa đổi theo Điều lệ mẫu ban hành theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC, có 21 Mục và 58 Điều, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và thực tế của Công ty.

(Dự thảo Điều lệ được gửi kèm theo Tờ trình này trong tài liệu Đại hội)

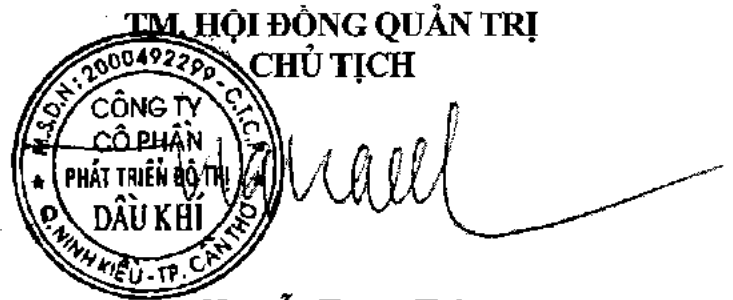
Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí sửa đổi sẽ có hiệu lực ngay khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí xem xét và thông qua.

Trân trọng!

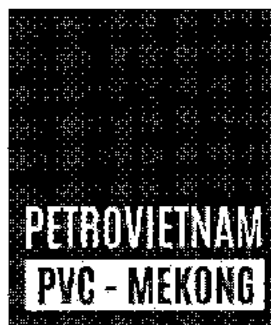
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, TCHC.



Nguyễn Trung Trí

Dự thảo



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
(PVC-MEKONG)**

Tháng/2022

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| MỤC LỤC | 2 |
| PHÂN MỞ ĐẦU | 5 |
| I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 5 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ: | 5 |
| II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | 6 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty: | 6 |
| Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty: | 6 |
| III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 6 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty: | 6 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty: | 8 |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 8 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập: | 8 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu: | 9 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác: | 9 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần: | 10 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần: | 10 |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 10 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát: | 10 |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 10 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông: | 10 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông: | 12 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông: | 13 |
| Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: | 14 |
| Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: | 16 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền: | 16 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông: | 17 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: | 18 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: | 18 |
| Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua: | 20 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: | 21 |
| Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: | 23 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: | 23 |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 24 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:..... | 24 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị..... | 25 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:..... | 25 |
| Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:..... | 26 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị:..... | 27 |
| Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:..... | 28 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:..... | 29 |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty:..... | 30 |
| VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:..... | 30 |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý:..... | 30 |
| Điều 34. Người điều hành Công ty:..... | 31 |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:..... | 31 |
| IX. BAN KIỂM SOÁT..... | 32 |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát:..... | 32 |
| Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát:..... | 32 |
| Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát:..... | 33 |
| Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:..... | 33 |
| Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:..... | 34 |
| Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:..... | 34 |
| X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 34 |
| XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY..... | 36 |
| Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ:..... | 36 |
| XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN..... | 36 |
| Điều 45. Công nhân viên và công đoàn:..... | 36 |
| XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 37 |
| Điều 46. Phân phối lợi nhuận:..... | 37 |
| XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN..... | 37 |
| Điều 47. Tài khoản Ngân hàng:..... | 37 |
| Điều 48. Năm tài chính:..... | 37 |
| Điều 49. Chế độ kế toán:..... | 38 |
| XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN..... | 38 |
| Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý:..... | 38 |
| Điều 51. Báo cáo thường niên:..... | 38 |
| XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY..... | 38 |
| Điều 52. Kiểm toán:..... | 38 |
| XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP..... | 38 |

| | |
|--|----|
| Điều 53. Dấu của doanh nghiệp:..... | 39 |
| XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY | 39 |
| Điều 54. Giải thể Công ty..... | 39 |
| Điều 55. Thanh lý..... | 39 |
| XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ | 39 |
| Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 40 |
| XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ | 40 |
| Điều 57. Điều lệ Công ty:..... | 40 |
| XXI. NGÀY HIỆU LỰC | 40 |
| Điều 58. Ngày hiệu lực:..... | 40 |
| Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty:..... | 40 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCD-ĐTDK ngày tháng năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong).

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “*Vốn điều lệ*”: là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “*Vốn có quyền biểu quyết*”: là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. “*Luật Doanh nghiệp*”: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. “*Luật Chứng khoán*”: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. “*Việt Nam*”: là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. “*Ngày thành lập*”: là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. “*Người điều hành doanh nghiệp*”: là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - h. “*Người quản lý doanh nghiệp*”: là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - i. “*Người có liên quan*”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. “*Cổ đông*”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - k. “*Cổ đông sáng lập*”: là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
 1. “*Cổ đông lớn*”: là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. “*Thời hạn hoạt động*”: là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n. “*Sở giao dịch chứng khoán*”: là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty:

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

- Tên tiếng Anh:

PETROVIETNAM URBAN DEVELOPMENT JOIN STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: PVC-MEKONG

2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, Khu đô thị Dầu khí, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

- Điện thoại: 0290 3510 191

- Fax: 0290 3510 191

4. E-mail: vanthupvcmekong@gmail.com - Website: <https://pvcmekong.com.vn>

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty:

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Thi công xây lắp các công trình ngành dầu khí; công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn, bao gồm cả hợp đồng EPC và chìa khóa trao tay;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

- Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị;

- Tư vấn đầu tư xây dựng, bao gồm: Khảo sát đo đạc địa hình, khảo sát địa chất công trình; lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công – Lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình, thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy trình

xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; tư vấn về đấu thầu; giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; kiểm định chất lượng công trình; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; tư vấn về định giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình;

- Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, gồm: Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch.
- Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển.
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu, phân bón hóa chất. Tầng trữ và vận chuyển xăng dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí.
- Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí.
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp. Lắp đặt các hệ thống đường ống dẫn khí, đường dây tải điện, v.v...
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí, điện, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng.
- Kinh doanh bê tông trộn sẵn (bê tông tươi).
- Kinh doanh vận tải vật tư, hàng hóa, hành khách bằng đường bộ và đường thủy.
- Cho thuê máy móc, thiết bị chuyên dùng (cơ giới, xe máy).
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện; quảng cáo và nghiên cứu thị trường.
- Khai thác và quản lý các dịch vụ văn phòng; dịch vụ bán lẻ.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống.
- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu sáng công cộng.
- Cung cấp, quản lý các dịch vụ nhà ở cao tầng: Giữ gìn vệ sinh, trật tự, dịch vụ điện, nước, trông giữ xe đạp, xe máy, vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa duy tu cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác các dịch vụ kiot.
- Dịch vụ vệ sinh môi trường: Thu gom và vận chuyển rác thải, chất thải rắn; Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị; quản lý chăm sóc vườn hoa thảm cỏ, công viên cây xanh, cây xanh đường phố.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, thoát nước, xử lý nước thải; Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu; Thu gom rác thải, thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Thu gom rác thải y tế; Thu gom rác thải độc hại khác; Xử lý và tiêu hủy rác thải; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;

Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác; Tái chế phế liệu; Tái chế phế liệu kim loại; Tái chế phế liệu phi kim loại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

- Khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; Xây dựng kiểm điểm tọa độ, độ cao địa chính; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thành lập bản đồ chuyên đề; Khảo sát đo đạc công trình; Đo đạc các thông số môi trường, thực hiện các dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Quản lý khai thác dịch vụ thể thao: Tennis, bóng đá mini, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên; sân bãi; bơi thuyền, công viên nước; câu cá giải trí.

- Dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các đô thị; khai thác dịch vụ sân bãi đỗ xe tại các đô thị.

- Đại lý xăng dầu.

- Giáo dục mầm non.

- Trạm y tế.

- Liên doanh liên kết các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực nêu trên và các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 280.689.000.000 VND (Hai trăm tám mươi sáu tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu đồng).

- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 28.068.900 (Hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm) cổ phần với mệnh giá là: 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu:

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác:

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần:

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần:

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát:

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
3. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông:

1. Cổ đông phổ thông có các quyền như sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo kế hoạch tổ chức Đại hội của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối

với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông:

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền:

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại

trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 30% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 60% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết

tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này và khoản 1, khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này và Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm thông qua.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa

án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có).
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử viên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

a. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

b. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

c. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

d. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ

trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người điều hành khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

h. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

i. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

k. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

l. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

m. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

n. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương, thù lao công việc và thưởng. Tiền lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán

thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư, thư điện tử (E-mail), phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (E-mail);
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành sẽ chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị/ Thư ký Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị/ Thư ký Công ty khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành, không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động và bổ nhiệm người mới thay thế.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ của Công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý:

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi

nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty:

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát:

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát:

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát:

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 và Điều 171 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý một lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân

thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ:

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn:

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính

sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản Ngân hàng:

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Điều 49. Chế độ kế toán:

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý:

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên:

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán:

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp:

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực:

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí nhất trí thông qua tại Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ-ĐTDK ngày ... tháng ... năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, được nộp cho các cơ quan chức năng/ cơ quan có thẩm quyền liên quan theo quy định và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty:

.....

Số: 54 /BC-HĐQT-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động năm 2021, kế hoạch nhiệm vụ năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) xin báo cáo đến Quý cổ đông và toàn thể Đại hội về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2021, kế hoạch và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

1. Về công tác tổ chức, nhân sự:

Đầu năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên hoạt động chuyên trách và 03 thành viên kiêm nhiệm, cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh | - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc; |
| - Ông Võ Văn Hạng | - Ủy viên HĐQT; |
| - Ông Trần Quốc Huy | - Ủy viên HĐQT; |
| - Ông Phí Ngọc Khánh | - Ủy viên HĐQT; |
| - Ông Nguyễn Văn Ánh | - Ủy viên HĐQT. |

Đến tháng 12/2021, HĐQT công ty đã thống nhất cho ông Võ Văn Hạng, ông Trần Quốc Huy thôi giữ chức Ủy viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân, đồng thời cho bà Nguyễn Thị Mỹ Linh thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty để làm Ủy viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân.

Để đáp ứng nhu cầu bổ sung nhân sự cho Ban điều hành Công ty, HĐQT đã thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Trí giữ chức Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Văn Thắng giữ chức Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

2. Về công tác ban hành các quy chế, quy định của Công ty:

Năm 2021 HĐQT không ban hành/sửa đổi quy chế của Công ty.

3. Công tác chỉ đạo, giám sát và hoạt động của HĐQT:

3.1 Hoạt động, các quyết định và cuộc họp của HĐQT:

HĐQT thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và có chủ trương chỉ đạo kịp thời đối với các mặt hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT thường kỳ và thông qua việc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp

định kỳ và 02 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định để thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định quan trọng cụ thể như sau:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|-----------------------|------------------------------|------------------|--|
| I. NGHỊ QUYẾT | | | |
| 1 | 04/NQ-HĐQT-ĐTDK | 14/01/2021 | Họp HĐQT phiên thứ 1 năm 2021 |
| 2 | 14/NQ-ĐHĐCĐ | 22/02/2021 | Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản v/v thay đổi thành viên BKS |
| 3 | 36/ NQ-HĐQT-ĐTDK | 06/5/2021 | Họp HĐQT phiên thứ 2 năm 2021 |
| 4 | 50/ NQ-HĐQT-ĐTDK | 15/9/2021 | Họp HĐQT phiên thứ 3 năm 2021 |
| 5 | 66/ NQ-HĐQT-ĐTDK | 03/12/2021 | Họp HĐQT phiên thứ 4 năm 2021 |
| 6 | 70/NQ-HĐQT-ĐTDK | 07/12/2021 | Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản |
| 7 | 82/NQ-ĐHĐCĐ | 30/12/2021 | Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản v/v thay đổi thành viên HĐQT |
| II. QUYẾT ĐỊNH | | | |
| 1 | 68/QĐ-ĐTDK | 06/12/2021 | V/v bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thắng giữ chức vụ Giám đốc Công ty |

Tổng kết các nội dung Họp HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 buổi họp trong năm 2021 để thông qua các vấn đề chủ yếu như sau:

a, Phiên họp ngày 14/01/2021:

- Thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát Cty.

b, Phiên họp ngày 06/5/2021:

- Thông qua Báo cáo tài chính Quý 1/2021.

c, Phiên họp ngày 15/9/2021:

- Thông qua Báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2021.
- Thông qua việc cho PVCFC mượn 1 phần trụ sở, tự cải tạo lại để làm khu phòng dịch Covid.

d, Phiên họp ngày 03/12/2021:

- Thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Mỹ Linh người đại diện pháp luật, giữ chức vụ Giám đốc Công ty và bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thắng người đại diện pháp luật, giữ chức vụ Giám đốc Công ty.

- Giao Giám đốc Công ty tiến hành các thủ tục, thông báo,... việc thay đổi nhân sự theo đúng quy định Pháp luật.

e, Phiên họp ngày 07/12/2021:

- Thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT công ty.

3.2 Công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT:

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát đối với công tác quản lý, điều hành của Ban giám đốc Công ty được thể hiện cụ thể qua một số nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện các quy định của Điều lệ, các Quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT và các quy định pháp luật hiện hành;

- Giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật theo quy định của pháp luật và Công ty.

3.3 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT:

Tổng tiền lương, thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị năm 2021 là: 696.096.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Tiền lương chi trả cho Hội đồng quản trị: 648.096.000 đồng;

- Thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị: 48.000.000 đồng.

3.4 Đánh giá hoạt động SXKD năm 2021:

- Tổng doanh thu năm 2021 là 5,51 tỷ đồng, bằng 59% kế hoạch năm 2021.

- Lợi nhuận năm 2021 lỗ: 1,84 tỷ đồng.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022:

1. Về công tác tổ chức, nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Trung Trí - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Văn Thắng - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Ủy viên HĐQT;
- Ông Phí Ngọc Khánh - Ủy viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Văn Ánh - Ủy viên HĐQT.

Hiện tại Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh đã có đơn xin nghỉ việc vì vậy HĐQT thống nhất bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

2. Về tình hình SXKD năm 2022:

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 với số chỉ tiêu phản ánh chủ yếu như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 | Ghi chú |
|-----|-------------|---------|-------------------|---------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 280,69 | |

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------|-------------------|---------|
| 2 | Tổng giá trị SXKD | Tỷ đồng | 5,00 | |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 18,36 | |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 0,00 | |

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của PVC-Mekong:

Từ tháng 11/2021, Tổng công ty đã có định hướng tái cơ cấu PVC-Mekong để hoạt động trở lại, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 là tập trung thu hồi công nợ tồn đọng, hoàn thiện thủ tục cấp giấy CNQSDĐ Trụ sở làm việc, giải quyết các vướng mắc với Cục thuế các Tỉnh để duy trì hoạt động của Công ty:

- Tập trung mọi nguồn lực để tiếp tục thu hồi các công nợ còn tồn đọng của PVC-Mekong, trong đó tập trung vào thu hồi công nợ với Ban QLĐL Dầu khí Long Phú 1, công nợ tạm ứng cá nhân, công nợ với các đội thi công của Công ty để làm chi phí hoạt động trong thời gian tái cơ cấu, chưa có việc làm;
- Làm việc với Cục thuế Cần Thơ, Sở KHĐT Cần Thơ để giãn, giảm thuế phải nộp, duy trì hóa đơn và tránh bị thu hồi Giấy ĐKKD;
- Làm việc với Cục thuế tỉnh Bạc Liêu, UBND tỉnh Bạc Liêu để giãn và giảm tiền thuê đất phải nộp của dự án Bạc Liêu Tower;
- Làm việc với Cục thuế Cà Mau để cung cấp, giải trình hồ sơ của các Đội, Xí nghiệp nhằm xác định giá trị thuế phải nộp;
- Làm việc với Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đối với Trụ sở làm việc của Công ty;
- Làm việc với Ngân hàng OceanBank xin giãn, giảm tiền lãi, phạt;
- Làm việc với cấp có thẩm quyền xin chủ trương, tìm đối tác để hợp tác triển khai Khu hậu cần Khí - Điện - Đạm Cà Mau;
- Phối hợp với Tổng công ty tiếp thị đấu thầu công trình Nhà ở của CBCNV tại dự án Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1;
- Ngoài ra đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm việc cho Công ty, cho thuê văn phòng làm việc và định hướng phát triển thêm ngành nghề cung cấp dịch vụ quản lý, bảo trì và sửa chữa các công trình xây dựng, đặc biệt là cụm khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau, NMNĐ Sông Hậu 1, v.v....

Trên đây là nội dung Báo cáo hoạt động năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của HĐQT PVC-Mekong, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Tety PETROCONS, PVFCCo, PVPower (để b/c);
- Hội đồng quản trị (để biết);
- BKS (để biết);
- Các bộ phận chuyên môn (thực hiện);
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Trí

Số: 55 /BC-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) không hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ tập trung xử lý các công việc tồn đọng, thanh quyết toán các công trình còn dở dang. Năm 2022, PVC-Mekong đang trong giai đoạn tái cấu trúc để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh.

PVC-Mekong xin báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD NĂM 2021:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

| Stt | Chỉ tiêu | TH năm 2020 | Năm 2021 | | Tỷ lệ so sánh (%) | |
|-----|--|-------------|------------------------------|---------------|-------------------------|-----------------|
| | | | Kế hoạch năm 2021 của đơn vị | Thực hiện năm | TH năm 2021/KH năm 2021 | So với năm 2020 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6=5/3) | (7=5/3) |
| 1 | Vốn điều lệ | 280,69 | 280,69 | 280,69 | 100% | 100% |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 12,29 | 9,39 | 5,51 | 59% | 45% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 2,02 | (8,14) | (1,84) | 23% | |
| 5 | Tổng số lao động sử dụng bình quân (người) | 6 | 6 | 5 | 83% | 83% |
| 6 | Nộp NSNN (**) | 0 | 1,69 | 1,20 | 157% | 120% |

2. Về giá trị sản lượng, doanh thu:

- Về giá trị sản lượng, doanh thu:

Trong năm 2021, PVC-Mekong không thực hiện sản xuất kinh doanh mà chủ yếu là xử lý các tồn đọng và thanh quyết toán, thu hồi công nợ các công trình.

Tổng doanh thu năm 2021 là 5,51 tỷ đồng, bằng 59% kế hoạch năm 2021 và bằng 45% so với cùng kỳ năm 2020.

- Về lợi nhuận:

Theo kết quả SXKD, lợi nhuận năm 2021 chi tiết như sau:

| | |
|--|------------------------|
| 1. Doanh thu từ hoạt động SXKD: | 5,49 tỷ đồng; |
| 2. Chi phí giá vốn: | 5,49 tỷ đồng; |
| 3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động SXKD [(1)-(2)]: | 0,00 tỷ đồng; |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 0,01 tỷ đồng; |
| 5. Chi phí hoạt động tài chính: | 0,00 tỷ đồng; |
| 6. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính [(4)-(5)]: | 0,01 tỷ đồng; |
| 7. Thu nhập khác: | 0,00 tỷ đồng; |
| 8. Chi phí khác: | 0,24 tỷ đồng; |
| <i>(Trong đó tiền phạt chậm nộp thuế trong năm tại Cục thuế tỉnh Bạc Liêu: 0,24 tỷ đồng)</i> | |
| 9. Lợi nhuận khác: [(7)-(8)] | (0,24) tỷ đồng; |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp: | 1,61 tỷ đồng; |
| 11. Lợi nhuận trước thuế [(3)+(6)+(9)-(10)]: | (1,84) tỷ đồng. |

Lợi nhuận năm 2021 của PVC-Mekong bị âm 1,84 tỷ đồng chủ yếu là do nguyên nhân sau:

- Tiền chậm nộp thuế phát sinh đến thời điểm tháng 8/2021 là: 241.780.570 đồng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là: 1.610.755.467 đồng.

3. Về thu nhập bình quân:

Trong năm 2021, PVC-Mekong không thực hiện sản xuất kinh doanh mà chủ yếu là các công tác xử lý các tồn đọng và thanh quyết toán, thu hồi công nợ các công trình. PVC-Mekong chỉ giữ lại các lãnh đạo chủ chốt và một số CBCNV để xử lý các vấn đề còn tồn đọng. Do đó, PVC-Mekong không đánh giá chỉ tiêu thu nhập bình quân trong năm (thu nhập bình quân 18,00 tr/người/tháng).

4. Về tình hình nộp Ngân sách nhà nước:

Số đã thực nộp Ngân sách nhà nước cả năm 2021 là: 2,66 tỷ đồng. Hiện tại, theo Báo cáo tài chính ngày 31/12/2021, PVC-Mekong đang nợ thuế là 39,14 tỷ đồng. Trong đó:

- Văn phòng Công ty là: 4,07 tỷ đồng (nợ tiền chậm nộp tại Cục thuế Cần Thơ, không phát sinh tiền lãi chậm trả), Cục thuế tỉnh Bạc Liêu là 2,36 tỷ đồng.
- Các Xí nghiệp và Đội xây dựng là: 32,71 tỷ đồng (nợ tiền thuế và tiền chậm nộp tại Cục thuế Cà Mau).

5. Tình hình thực hiện đầu tư: không thực hiện

6. Tình hình thanh lý các tài sản đã qua sử dụng: không thực hiện

7. Kết quả thực hiện công tác lao động, đào tạo, hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong năm 2021:

- Về lao động: Tổng số lao động bình quân sử dụng năm 2021 là 05 người, bằng 83% so với cùng kỳ năm 2020.

- Về đào tạo: không tổ chức.
- Hoạt động của Công đoàn Công ty: Tổ chức Công đoàn PVC-Mekong đã giải thể trong tháng 4/2019.

8. Các khó khăn, hạn chế:

- Theo số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021, vốn chủ sở hữu của PVC-Mekong đang bị âm 181,89 tỷ đồng, lỗ lũy kế 476,85 tỷ đồng và khoản nợ ngắn hạn phải trả là 207,23 tỷ đồng. Từ các con số nêu trên có thể thấy PVC-Mekong đang trong tình trạng phá sản. Dòng tiền để duy trì hoạt động không còn trong khi áp lực đòi nợ từ khách hàng, đối tác ngày tăng, gây áp lực cho Ban điều hành của PVC-Mekong.

- Đến thời điểm 31/12/2021, PVC-Mekong nợ thuế Cần Thơ 4,07 tỷ đồng tiền lãi chậm nộp dẫn đến việc Cục thuế đã sử dụng các biện pháp cưỡng chế, phong tỏa hóa đơn, tài khoản của PVC-Mekong; Các ĐXD và các Xí nghiệp nợ thuế Cà Mau 32,71 tỷ đồng tiền thuế và lãi chậm nộp.

- Cục thuế Bạc Liêu vẫn tiếp tục có thông báo chậm nộp về việc thu hồi tiền thuê đất của Tòa nhà Bạc Liêu;

- Khoản nợ 50 tỷ của PVGAS không có khả năng chi trả, và PVGAS đã khởi kiện ra Tòa án Cần Thơ;

- Bên cạnh đó PVC-Mekong vẫn chưa đàm phán được chi phí lãi vay với OceanBank. Chi phí lãi vay phát sinh phải trả OceanBank theo số liệu đến 31/12/2020 là 91 tỷ đồng.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SXKD NĂM 2022:

Từ tháng 11/2021, Tổng công ty đã có định hướng tái cơ cấu PVC-Mekong để hoạt động trở lại, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 là tập trung thu hồi công nợ tồn đọng, hoàn thiện thủ tục cấp giấy CNQSDĐ Trụ sở làm việc, giải quyết các vướng mắc với Cục thuế các Tỉnh để duy trì hoạt động của Công ty:

- Tập trung mọi nguồn lực để tiếp tục thu hồi các công nợ còn tồn đọng của PVC-Mekong, trong đó tập trung vào thu hồi công nợ với Ban QLĐL Dầu khí Long Phú 1, công nợ tạm ứng cá nhân, công nợ với các đội thi công của Công ty để làm chi phí hoạt động trong thời gian tái cơ cấu, chưa có việc làm và giảm các chi phí của Tổng công ty;
- Làm việc với Cục thuế Cần Thơ, Sở kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ để giãn, giảm thuế phải nộp, duy trì hóa đơn và tránh bị thu hồi Giấy ĐKKD;
- Làm việc với Cục thuế tỉnh Bạc Liêu, UBND tỉnh Bạc Liêu để giãn và giảm tiền thuê đất phải nộp của dự án Bạc Liêu Tower;
- Làm việc với Cục thuế Cà Mau để cung cấp, giải trình hồ sơ của các Đội, Xí nghiệp nhằm xác định giá trị thuế phải nộp;
- Làm việc với Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đối với Trụ sở làm việc của Công ty;
- Làm việc với Ngân hàng OceanBank xin giãn, giảm tiền lãi, phạt;

- Làm việc với cấp có thẩm quyền xin chủ trương, tìm đối tác để hợp tác triển khai Khu hậu cần Khí - Điện - Đạm Cà Mau;
- Phối hợp với Tổng công ty tiếp thị đấu thầu công trình Nhà ở của CBCNV tại dự án Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1;
- Ngoài ra đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm việc cho Công ty, cho thuê văn phòng làm việc và định hướng phát triển thêm ngành nghề cung cấp dịch vụ quản lý, bảo trì và sửa chữa các công trình xây dựng, đặc biệt là cụm khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau, NMNĐ Sông Hậu 1, v.v....

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu trong năm 2022:

| Stt | Tên hạng mục/dự án | Kế hoạch năm 2022 | Trong đó | | | |
|------------|---|-------------------|---------------|-------------|---------------|---------------|
| | | | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV |
| I | Giá trị sản lượng | 5,00 | | | 2,50 | 2,50 |
| 1 | Các hợp đồng khác dự kiến thực hiện năm 2022 | 5,00 | | | 2,50 | 2,50 |
| II | Giá trị doanh thu | 18,36 | 10,10 | 3,63 | 1,50 | 3,13 |
| 1 | Sản lắp mặt bằng NMNĐ Long Phú 1 | 3,63 | | 3,63 | | |
| 2 | Sản gạt lu lên cát và thi công dỡ tải, đường tạm, mương thoát nước tạm hạng mục Xử lý nền NMNĐ Sông Hậu 1 | 10,10 | 10,10 | | | |
| 3 | Các hợp đồng khác dự kiến thực hiện năm 2022 | 4,63 | | | 1,50 | 3,13 |
| III | Lợi nhuận | 0,00 | (0,57) | 1,79 | (0,65) | (0,57) |

Trong Quý I, II năm 2022 tập trung thu hồi công nợ tại dự án NMNĐ Long Phú 1 và NMNĐ Sông Hậu 1, đồng thời đẩy nhanh công tác tiếp thị đấu thầu ký hợp đồng và tiến hành thi công trong 2 Quý cuối năm, với kế hoạch SXKD cụ thể: Sản lượng 5 tỷ đồng, doanh thu 18,36 tỷ đồng.

2. Giải pháp thực hiện

- Tập trung thu hồi công nợ còn tồn đọng để duy trì hoạt động SXKD của Công ty.
- Do tái cơ cấu lại từ Công ty hoạt động không hiệu quả nên thời gian đầu sẽ rất khó khăn trong việc tiếp thị đấu thầu rộng rãi, vì vậy trong năm 2022 tập trung chủ yếu công tác xây dựng bộ máy Công ty và tiếp thị công tác sửa chữa bảo dưỡng các công trình và làm thầu phụ B'' cho các công trình vừa và nhỏ ở khu vực Tây Nam Bộ.
- Đề xuất các cổ đông lớn như: PVPower, PVCFCO tạo điều kiện giao công việc cho Công ty để có nguồn thu bù chi phí từng bước khắc phục khó khăn tiến đến chủ động công việc để tăng khả năng bảo toàn vốn công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu thị trường, tìm hiểu chủ đầu tư, dự án để tiếp cận; Đặc biệt chú trọng đấu thầu qua mạng theo xu hướng hiện nay khi đủ điều kiện;
- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực có đủ chuyên môn, kinh nghiệm để sẵn sàng tham gia công tác đấu thầu; Chú trọng công tác tuyển dụng nhân lực có chuyên môn,

nghịệp vụ, có tinh thần trách nhiệm, hiểu và nắm bắt được công việc cách thức thực hiện công tác đầu thầu.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Những năm gần đây hoạt động SXKD của PVC-Mekong gặp rất nhiều khó khăn, hoạt động chính của đơn vị là giải quyết các hạng mục công việc dở dang/tồn đọng tại các dự án cũ và thực hiện công tác thu hồi nợ. Từ thực tế, thực trạng của đơn vị như hiện nay PVC-Mekong đề xuất, kiến nghị các nội dung sau:

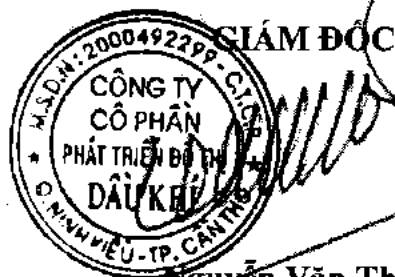
- Tổng công ty PETROCONs hỗ trợ đơn vị làm việc với các Công ty thành viên của Tổng công ty để thu hồi là 1.800.000.000 đồng của công trình Khu văn hoá Bình Tiên, thị trấn Giồng Trôm, Bến Tre theo Quyết định số 4119/QĐ-XLDK-VP ngày 27/9/2011 (PVC-IC, PVC-Land, PVC-SG, PVC-TBD, PVC-Metal, PVC-Petroland);
- Tổng công ty Hỗ trợ đơn vị làm việc với các Công ty thành viên của Tổng công ty để thu hồi hoặc bù trừ công nợ còn lại của Công ty 3C giữa Tổng công ty với PVC-Mekong;
- Tổng công ty Hỗ trợ Công ty làm việc với Ngân hàng OceanBank xin giãn, giảm tiền lãi, phạt;
- Tổng công ty hỗ trợ, bảo lãnh và giao thêm việc tại các dự án Tổng công ty sẽ thực hiện trong thời gian tới.
- PVPower, PVFCCo tạo điều kiện giao công việc cho Công ty để có nguồn thu bù chi phí từng bước khắc phục khó khăn tiến đến chủ động công việc để tăng khả năng bảo toàn/ thoái vốn công ty.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và kế hoạch thực hiện SXKD năm 2022 của Giám đốc PVC-Mekong, kính báo đến Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Tety PETROCONs, PVFCCo, PVPower (để b/c);
- Hội đồng quản trị (để b/c);
- BKS (để biết);
- Các bộ phận chuyên môn (t/h);
- Lưu: VT.



Số: 56 /BC-BKS-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát Công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) đã sửa đổi, bổ sung lần thứ 8, ban hành ngày 14/8/2015;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong);

Ban kiểm soát PVC-Mekong kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của PVC-Mekong và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát như sau:

A. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2021:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Nhân sự, thù lao của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát PVC-Mekong hiện nay có 03 thành viên làm việc không chuyên trách gồm:

- Ông Đặng Vũ Thường, Thành viên Ban kiểm soát;
- Ông Nguyễn Hữu Tú, Thành viên Ban kiểm soát;
- Ông Phan Quốc Phương, Thành viên Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện năm 2021 là 36.000.000 đồng.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Do việc ngưng hoạt động để chờ thời gian tái cơ cấu và ảnh hưởng dịch covid (giãn cách theo chỉ thị 15, 16 của Chính Phủ), nên phạm vi hoạt động của Ban kiểm soát cũng giá hạn, Ban kiểm soát giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty. Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện một số nội dung chính sau:

- Kiểm tra giám sát quá trình hoạt động tại công ty, trao đổi các biện pháp cho Ban Giám đốc về hoạt động trong giai đoạn hiện tại;
- Theo dõi tình hình thu nợ, các giải pháp nhằm thanh toán nợ Công ty;

- Chưa Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT/Ban giám đốc trình ĐHĐCĐ do Công ty không thực hiện báo cáo Kiểm toán tài chính và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020;

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp online. Nội dung các cuộc họp tập trung vào các nội dung chính sau: Trao đổi tình hình hoạt động Công ty nhằm báo cáo đến các Cổ đông lớn.

Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát (BKS) thường xuyên trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động của BKS luôn kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao.

3. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên BKS:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, sự phân công nhiệm vụ trong BKS và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021, thành viên BKS tự đánh giá chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao do ảnh hưởng lớn của các yếu tố khách quan.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của công ty:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu kết quả SXKD năm 2021 của Công ty như sau:

| | |
|--|-----------------|
| 1. Doanh thu từ hoạt động SXKD: | 5,49 tỷ đồng; |
| 2. Chi phí giá vốn: | 5,49 tỷ đồng; |
| 3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động SXKD [(1)-(2)]: | 0 tỷ đồng; |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 0,01 tỷ đồng; |
| 5. Chi phí hoạt động tài chính: | 0 tỷ đồng; |
| 6. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính [(4)-(5)]: | (1,59) tỷ đồng; |
| 7. Thu nhập khác: | 0 tỷ đồng; |
| 8. Chi phí khác: | 0,24 tỷ đồng; |
| 9. Lợi nhuận khác: [(7)-(8)] | (0,24) tỷ đồng; |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp: | 1,61 tỷ đồng; |
| 11. Lợi nhuận trước thuế [(3)+(6)+(9)-(10)]: | (1,84) tỷ đồng; |
| 12. Lợi nhuận sau thuế TNDN: | (1,84) tỷ đồng. |

Tính đến cuối năm 2021 PVC-Mekong lỗ lũy kế là 476,8 tỷ đồng, vượt vốn điều lệ. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 âm 181,8 tỷ đồng.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021:

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kỳ trước báo cáo 31/12/2021 | Kỳ báo cáo 31/12/2020 |
|-----|------------------------------|-------------|--------------------------------|--------------------------|
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | tỷ đồng | 207,2 | 228,6 |
| 2 | Phải trả người bán, trả khác | tỷ đồng | 79,3 | 109,4 |

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kỳ trước báo cáo 31/12/2021 | Kỳ báo cáo 31/12/2020 |
|-----|---|-------------|--------------------------------|--------------------------|
| 3 | Phải thu khách hàng, thu khác | tỷ đồng | 43,5 | 65,3 |
| | Cơ cấu tài sản | | | |
| 4 | Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 73,7% | 85,1% |
| 5 | Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 26,3% | 14,9% |
| | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| 7 | Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 817,6% | 470,9% |
| 8 | Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | (717,5%) | (370,9%) |
| 9 | Tỷ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | lần | 8,16 | 4,70 |
| | Khả năng thanh toán | | | |
| 10 | Hệ số thanh toán tổng quát (<i>Tổng tài sản/Nợ phải trả</i>) | lần | 0,12 | 0,21 |
| 11 | Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>) | lần | 0,09 | 0,18 |
| 12 | Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>) | lần | 0,79 | 0,18 |

Về Tổ chức - nhân sự:

Đến 31/12/2021 Công ty còn lại 04 nhân sự. Ban kiểm soát ghi nhận những nỗ lực của Ban điều hành đã sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý, tinh gọn nhân sự để tập trung thực hiện xử lý các công việc tồn đọng còn lại trong giai đoạn chờ thực hiện tái cơ cấu.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính (BCTC) đã phản ánh đầy đủ, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2021, BCTC phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán Vaco đã được lựa chọn để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 của công ty và Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến kiểm toán 2021.

3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty:

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số quá bán bằng việc lấy ý kiến từng thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị đã được phân công nhiệm vụ cụ thể và thực thi nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ hàng quý, họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản để quyết nghị các vấn đề chính yếu của công ty một cách kịp thời, nội dung chi tiết đã được nêu tại Báo cáo của Hội đồng quản trị;

Ban giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Điều lệ hoạt động của công ty và quy định của pháp luật, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị;

Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty đã phản ánh trung thực về tình hình hoạt động SXKD năm 2021 của công ty.

- Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty, đã cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban kiểm soát để phục vụ để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại công ty.

4. Kiến nghị:

Hiện nay, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí không còn khả năng thanh khoản do lỗ kéo dài (thiếu hụt nghiêm trọng vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn) chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn. Phương án tái cơ cấu còn kéo dài, việc đảm bảo chi phí tối thiểu để duy trì hoạt động của Công ty trong thời gian tới là hết sức khó khăn. Kiến nghị Tổng công ty PETROCONS có phương án quan tâm đến PVC-Mekong để thực hiện các phương án về thoái vốn/phá sản/cơ cấu lại doanh nghiệp.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022:

1. Kế hoạch hoạt động:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế/quy định nội bộ trong hoạt động quản lý, điều hành doanh nghiệp;

- Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông giao;

- Giám sát công tác quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Giám đốc công ty;

- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn;

- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý/điều hành của HĐQT/Giám đốc công ty;

- Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ tại công ty;

- Kiểm tra, giám sát công tác tái cấu trúc công ty, tiết giảm chi phí, quản lý tài sản;

- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Kế hoạch thù lao:

Mức thù lao cho thành viên Ban kiểm soát dự kiến 2.000.000 đồng/người/tháng.

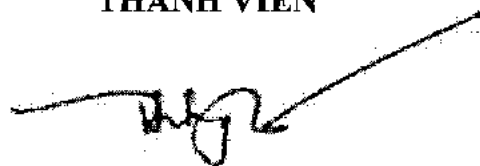
Trên đây là kết quả kiểm tra giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD (để biết);
- TV BKS;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN**



Phan Quốc Phương

Số: 57 /TTr-HDQT-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí đã sửa đổi, bổ sung lần thứ 8, ban hành ngày 14/8/2015;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí đã được Công ty TNHH kiểm toán VACO kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| | |
|----------------------------------|-------------------------|
| - Tổng tài sản: | 25.347.020.365 đồng; |
| - Vốn chủ sở hữu: | (181.886.856.067) đồng; |
| - Vốn điều lệ: | 280.689.000.000 đồng; |
| - Tổng doanh thu, thu nhập khác: | 5.511.011.306 đồng; |
| - Lợi nhuận sau thuế: | (1.840.528.106) đồng. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS, BGD (để biết);
- Lưu: VT.

Đính kèm:

- Chi tiết số liệu báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Trí
Nguyễn Trung Trí



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Tháng 6 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 26 |

025468
CHỦ
ĐƠN VỊ
CHÍNH
KẾ
V
THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Ông Nguyễn Trung Trí

Ông Võ Văn Hạng

Ông Trần Quốc Huy

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Nguyễn Văn Ánh

Ông Phí Ngọc Khánh

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30/12/2021)

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30/12/2021)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/12/2021)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/12/2021)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/12/2021)

Thành viên

Thành viên

Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Nguyễn Văn Thắng

Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/12/2021)

Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/12/2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ tên

Ông Nguyễn Văn Thắng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Chức vụ

Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2021)

Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

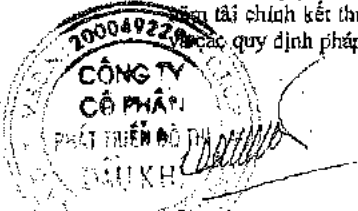
58-01
HÀNH
SỐ CH
KẾ T
SINH
1704
100
-1.9

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618/ Fax: (84-28) 3840 6616
Website: www.vacohcm.com.vn

SỐ: 143/VACO/BCKT/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 6 năm 2022, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

Như trình bày tại các Thuyết minh Báo cáo tài chính số 2, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 188.531.386.750 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 187.232.949.146 VND), khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 476.849.711.281 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 475.009.183.175 VND) và đã vượt vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các bằng chứng cho thấy khả năng trả nợ của Công ty cho các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liệu tục có phù hợp hay không.

Như trình bày tại các Thuyết minh Báo cáo tài chính số 12, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này cùng là 5.400.000.000 VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải trả nhưng chưa đầy đủ, cụ thể giá trị chưa nhận được đối chiếu, xác nhận như sau: phải trả người bán là 14.955.521.010 VND, phải trả ngắn hạn khác là 9.665.758.646 VND, người mua trả tiền trước là 1.915.759.653 VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế đã được thực hiện, nhưng chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá về sự chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả tồn đọng lâu năm và chưa nhận được thư xác nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Văn Phòng Hà Nội
Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781 - Fax: (84-24) 3577 0787

3

Văn Phòng Đồng Nai
Số 78 Hồ Mỹ Giáp, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8580 - Fax: (84-251) 382 8580

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1
Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

ĐIỀU
C
TRƯỜNG
TRÁC
HỮU TH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị: VND | |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 18.702.489.682 | 41.345.046.846 |
| I. Tiền và các khoản trong đương tiền | 110 | 4 | 1.163.904.396 | 97.618.640 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.163.904.396 | 97.618.640 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 11.859.621.391 | 34.521.787.750 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 18.954.140.657 | 40.960.371.563 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 6 | 1.255.295.761 | 1.944.477.017 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 24.548.143.138 | 24.468.143.134 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | (32.906.666.320) | (32.859.912.119) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 8.708.155 | 8.708.155 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 1.447.922.659 | 1.459.458.844 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.288.829.278 | 2.300.365.463 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (840.906.619) | (840.906.619) |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.231.041.236 | 5.266.181.612 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 4.231.041.236 | 5.266.181.612 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 6.644.530.683 | 7.186.621.185 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 6.644.530.683 | 7.186.621.185 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 6.543.280.683 | 7.085.371.185 |
| - Nguyên giá | 222 | | 17.447.280.093 | 17.447.280.093 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (10.903.999.410) | (10.361.908.908) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 101.250.000 | 101.250.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 338.318.800 | 338.318.800 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (237.068.800) | (237.068.800) |
| II. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 12 | 5.400.000.000 | 5.400.000.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 12 | (5.400.000.000) | (5.400.000.000) |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 25.347.020.365 | 48.531.668.031 |

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị: VND | |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 207.233.876.432 | 228.577.995.992 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 207.233.876.432 | 228.577.995.992 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 16.947.226.487 | 38.923.583.456 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 14 | 1.915.759.653 | 1.602.479.403 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 39.143.320.842 | 40.607.571.422 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 546.012.126 | 1.167.400.556 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 86.250.015.515 | 83.743.919.346 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 62.431.541.809 | 62.533.041.809 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (181.886.856.067) | (180.046.327.961) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | (181.886.856.067) | (180.046.327.961) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 280.689.000.000 | 280.689.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 280.689.000.000 | 280.689.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 6.126.552.489 | 6.126.552.489 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.147.302.725 | 8.147.302.725 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (476.849.711.281) | (475.009.183.175) |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (475.009.183.175) | (477.025.528.016) |
| - LNST chưa PP năm nay | 421b | | (1.840.528.106) | 2.016.344.841 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 25.347.020.365 | 48.531.668.031 |



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
Phụ trách kế toán/ Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

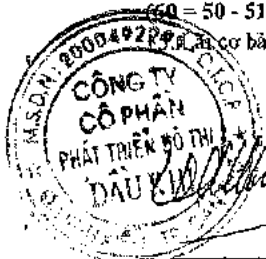
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Mẫu số B 02-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 5.495.085.443 | 11.865.419.744 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01) | 10 | 20 | 5.495.085.443 | 11.865.419.744 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | 5.495.084.628 | 15.826.209.460 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 815 | (3.960.789.716) |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 15.916.863 | 499.674 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 23 | - | (9.249.067.259) |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | (9.249.067.259) |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 24 | 1.610.755.467 | 2.087.890.491 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26) | 30 | | (1.594.837.789) | 3.200.886.726 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | 9.000 | 428.934.408 |
| 10. Chi phí khác | 32 | 25 | 245.699.317 | 1.613.476.293 |
| 11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (245.690.317) | (1.184.541.885) |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | (1.840.528.106) | 2.016.344.841 |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 26 | - | - |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | (1.840.528.106) | 2.016.344.841 |
| 15. Cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 27 | (66) | 72 |



Nguyễn Văn Thắng
 Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 31 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
 Phụ trách kế toán/ Người lập biểu

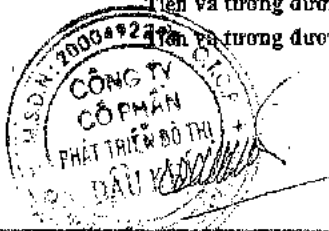
Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B 03-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | Đơn vị: VND | |
|---|-------|------------------|------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (1.840.528.106) | 2.016.344.841 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 542.090.502 | 560.104.478 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 46.754.201 | 481.244.618 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (15.916.863) | (499.674) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | - | (9.249.067.259) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (1.267.600.266) | (6.191.872.996) |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | 23.650.552.534 | 33.738.999.452 |
| - (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | 11.536.185 | 14.388.381.049 |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (21.344.319.560) | (30.134.744.794) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | - | (11.168.926.544) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.050.368.893 | 631.836.167 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 15.916.863 | 499.674 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 15.916.863 | 499.674 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | - | (795.030.318) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | - | (795.030.318) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 1.066.285.756 | (162.694.477) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 97.618.640 | 260.313.117 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 | 1.163.904.396 | 97.618.640 |



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
Phụ trách kế toán/ Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2000492299 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 280.689.000.000 VND chia thành 28.068.900 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 03 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 03 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị.
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình; lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công-lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình; Thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy hoạch xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; tư vấn về đầu thầu; giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Kiểm định chất lượng công trình; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; tư vấn về định giá giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí, bao gồm cả hợp đồng EPC và chìa khóa trao tay.
- Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và sau lắp mặt bằng xây dựng.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, gồm: Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch.
- Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển.
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hoá dầu, phân bón hoá chất. Tầng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hoá lỏng và các sản phẩm dầu khí.
- Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí.
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, lắp đặt các hệ thống ống dẫn khí, đường dây tải điện.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí, điện, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp.

Mối giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng.

Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của công ty.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát, tư vấn, thiết kế và thi công công trình dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

10254
C
H
A
N
H
C
A
C
H
K
I
T
D
A
N

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng nợ phải trả ngắn hạn đang lớn hơn tài sản ngắn hạn là 188.531.386.750 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 187.232.949.146 VND); khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 476.849.711.281 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 475.009.183.175 VND) và đã vượt vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố nêu trên ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn.

Tuy nhiên, Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Công ty tiếp tục hoạt động ít nhất trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính này và nên quyết định lập báo cáo tài chính này của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6858
n h w
k o s
o n g
u i e n
s u t
T A I
T I - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

ĐƯỢC
ĐĂNG
KÝ
TRUY
CẬP
CÁN
30
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu bởi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm khấu hao |
|---------------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 |
| Máy móc, thiết bị | 04 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 04 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất tại Đường số 06, khu Công Nông II, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau với diện tích đất xây dựng là 67,5 m². Quyền sử dụng đất được UBND tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng lâu dài, do đó Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

ĐẠI HỘI
CỔ ĐÔNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ
DẦU KHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào Chi phí tài chính trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

850-
NHÀ
SỐ
KVA
MTC
AC
1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-ĐN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | Công ty mẹ |
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | Cổ đông lớn |
| Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | Cùng chủ sở hữu |
| Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Cùng Tập đoàn |
| Các thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc | Thành viên chủ chốt |

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------|----------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 18.013.017 | 113.017 |
| Tiền gửi ngân hàng (*) | 1.145.891.379 | 97.505.623 |
| Cộng | 1.163.904.396 | 97.618.640 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm 22,8 triệu VND là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i> | <i>13.767.260.868</i> | <i>32.795.570.753</i> |
| Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 1.889.888.017 | 1.889.888.017 |
| Ban điều hành dự án Ban phía Nam | 11.877.372.851 | 6.393.824.408 |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | - | 24.511.858.328 |
| <i>b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i> | <i>5.186.879.789</i> | <i>8.164.800.810</i> |
| Chi cục thi hành án dân sự TP Bạc Liêu (i) | - | 2.977.921.021 |
| Các đối tượng khác | 5.186.879.789 | 5.186.879.789 |
| Cộng | 18.954.140.657 | 40.960.371.563 |

(i) Theo Công văn số 428/PH-CCTHADS ngày 18 tháng 7 năm 2019, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu tạm giữ lại số tiền 14,9 tỷ VND để thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng tài sản trong việc phát mãi tài sản là khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu để thanh toán nợ vay. Đồng thời, theo Công văn số 61/CCTHADS-NV ngày 23 tháng 02 năm 2022, số tiền 14,6 tỷ VND còn lại đã được Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu chuyển cho Ngân hàng TMHH MTV Đại Dương sau khi thực hiện trừ án phí 277 triệu VND do Công ty chịu. Ngày 08 tháng 8 năm 2021, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu đã chuyển bổ sung cho Ngân hàng TMLH MTV Đại Dương số tiền 2,72 tỷ VND. Công ty đã thực hiện cấp trừ khoản trên cùng phần giá trị 255,4 triệu VND là phí thi hành án dân sự của Ngân hàng TMHH MTV Đại Dương với khoản trích trước chi phí lãi vay (xem thuyết minh số 16).

002-C
 NH
 CHẤM
 KÝ
 HỮU
 AN
 0
 P.180

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

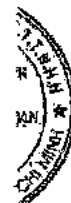
6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẢN HẠN

| | Năm này | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Lưu Ngô Gia | 695.838.152 | 695.838.152 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện Tân Thành | 268.311.081 | 268.311.081 |
| Công ty TNHH TM DV Xây dựng MQC | - | 484.855.215 |
| Công ty CP XD TV TM Huỳnh Nguyễn Phóng | - | 206.014.191 |
| Các đối tượng khác | 291.146.528 | 289.458.378 |
| Cộng | 1.255.295.761 | 1.944.477.017 |

7. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 545.485.022 | 465.485.022 |
| Phải thu các đội xây dựng (i) | 16.819.381.673 | 16.819.381.673 |
| Quý khen thưởng phúc lợi trích thừa | 4.917.824.644 | 4.917.824.644 |
| Phải thu khác | 2.265.451.799 | 2.265.451.795 |
| Cộng | 24.548.143.138 | 24.468.143.134 |

(i) Đây là số liên chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh tại các đội xây dựng khi thi công xây dựng công trình và chi phí Công ty giao xuống các đội xây dựng.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐỒ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | Giá gốc VNĐ | Giá trị có thể thu hồi VNĐ | Giá gốc VNĐ | Giá trị có thể thu hồi VNĐ |
| <i>a) Phải thu khách hàng</i> | | | | |
| Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - | 1.889.888.017 | - | 1.889.888.017 | - |
| Bên liên quan | | | | |
| Ban điều hành dự án Bên phía Nam | 1.775.097.985 | 1.677.346.521 | 1.775.097.985 | 1.706.671.961 |
| Cáo đối tượng khác | 5.186.879.789 | - | 5.186.879.789 | 12.832.636 |
| <i>b) Trả trước cho người bán</i> | | | | |
| Các đối tượng khác | 1.255.295.761 | - | 1.255.295.761 | 3.600.000 |
| <i>c) Phải thu khác</i> | | | | |
| Quý Khen thưởng phúc lợi (TK 138) | 24.468.143.134 | - | 24.468.143.134 | 996.125 |
| Đội xây dựng số 5 | 4.917.824.644 | - | 4.917.824.644 | - |
| Đội xây dựng số 9 | 11.854.459.111 | - | 11.854.459.111 | - |
| Đội xây dựng số 10 | 3.456.405.055 | - | 3.456.405.055 | - |
| Các đối tượng khác | 1.508.517.507 | - | 1.508.517.507 | - |
| | 2.730.936.817 | - | 2.730.936.817 | 996.125 |
| <i>d) Tài sản thiếu chờ xử lý</i> | | | | |
| Các đối tượng khác | 8.708.155 | - | 8.708.155 | - |
| | 8.708.155 | - | 8.708.155 | - |
| Tổng cộng | 34.584.012.841 | 1.677.346.521 | 32.906.656.320 | 1.724.100.722 |
| | | | | 32.859.912.119 |

THAM
CHỮ Q
025/16

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính-kèm theo.

9. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.288.829.278 | 840.906.619 | 2.288.829.278 | 840.906.619 |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 11.536.185 | - |
| Cộng | 2.288.829.278 | 840.906.619 | 2.300.365.463 | 840.906.619 |

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|------------------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.262.588.220 | 344.488.432 | 1.974.102.963 | 866.100.478 | 17.447.280.093 |
| Số dư cuối năm | 13.262.588.220 | 344.488.432 | 1.974.102.963 | 866.100.478 | 17.447.280.093 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 6.208.816.711 | 344.488.432 | 1.942.503.287 | 866.100.478 | 10.361.908.908 |
| - Khấu hao trong năm | 510.490.826 | - | 31.599.676 | - | 542.090.502 |
| Số dư cuối năm | 6.719.307.537 | 344.488.432 | 1.974.102.963 | 866.100.478 | 10.903.999.410 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 7.053.771.509 | - | 31.599.676 | - | 7.085.371.185 |
| Tại ngày cuối năm | 6.543.280.683 | - | - | - | 6.543.280.683 |

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.822.742.124 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.546.963.033 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 101.250.000 | 237.068.800 | 338.318.800 |
| Số dư cuối năm | 101.250.000 | 237.068.800 | 338.318.800 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | - | 237.068.800 | 237.068.800 |
| Số dư cuối năm | - | 237.068.800 | 237.068.800 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | 101.250.000 | - | 101.250.000 |
| Tại ngày cuối năm | 101.250.000 | - | 101.250.000 |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 237.068.800 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 237.068.800 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-ĐN
Bao hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|----------------------|--------------------|------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C | 5.400.000.000 | (*) | (5.400.000.000) | 5.400.000.000 | (*) | (5.400.000.000) |
| Cộng | 5.400.000.000 | - | (5.400.000.000) | 5.400.000.000 | - | (5.400.000.000) |

Công ty mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (Công ty 3C) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 30 tháng 12 năm 2011. Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty 3C. Tuy nhiên, Giám đốc đã thận trọng và quyết định dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư do đánh giá không có khả năng thu hồi.

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Bên liên quan | 738.172.700 | 738.172.700 | 738.172.700 | 738.172.700 |
| Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - bên liên quan | 738.172.700 | 738.172.700 | 738.172.700 | 738.172.700 |
| b) Người bán là đối tượng khác | - | - | 4.222.739.802 | 4.222.739.802 |
| Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn | - | - | 4.222.739.802 | 4.222.739.802 |
| Công ty TNHH Hiệp Thành | 3.362.677.118 | 3.362.677.118 | 3.232.343.811 | 3.232.343.811 |
| Các đối tượng khác | 12.846.376.669 | 12.846.376.669 | 30.730.327.143 | 30.730.327.143 |
| Cộng | 16.947.226.487 | 16.947.226.487 | 38.923.583.456 | 38.923.583.456 |

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Năm này VND | Năm trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú I - bên liên quan | 1.000.899.140 | 1.000.899.140 |
| Tổng Công ty CP XLĐK Việt Nam (PVC) - bên liên quan | 313.280.250 | - |
| Các đối tượng khác | 601.580.263 | 601.580.263 |
| Cộng | 1.915.759.653 | 1.602.479.403 |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ CHO NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Các khoản phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 13.516.033.905 | 940.473.922 | 940.473.922 | 13.516.033.905 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.205.006.220 | 9.430.845 | 22.585.595 | 2.191.851.470 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.246.625.299 | - | - | 1.246.625.299 |
| Các loại thuế khác | 23.639.905.998 | 247.930.570 | 1.699.026.400 | 22.188.810.168 |
| Cộng | 40.607.571.422 | 1.197.835.337 | 2.662.085.917 | 39.143.320.842 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Mẫu số B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi vay phải trả (*) | 76.990.095.059 | 79.967.547.333 |
| Trích trước chi phí công trình | 9.196.284.093 | 3.712.735.650 |
| Chi phí phải trả khác | 63.636.363 | 63.636.363 |
| Cộng | 86.250.015.515 | 83.742.919.346 |

(*) Đây là các khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau. Ngày 08 tháng 8 năm 2021, Công ty đã bù trừ với khoản phải thu của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu (xem thuyết minh số 05) căn cứ theo thông báo chuyển tiền từ Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu đến Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau với số tiền là 2,72 tỷ VND và phần phí thi hành án dân sự 255,4 triệu VND mà Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau phải chịu.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>a) Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</i> | <i>61.463.469.789</i> | <i>61.463.469.789</i> |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (i) | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Ban QLDA cụm Khí-Điện - Đạm Cà Mau (ii) | 8.697.686.626 | 8.697.686.626 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (ii) | 2.765.783.163 | 2.765.783.163 |
| <i>b) Phải trả ngắn hạn khác</i> | <i>968.072.020</i> | <i>1.069.572.020</i> |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 429.013.952 | 429.013.952 |
| Các đối tượng khác | 539.058.068 | 640.558.068 |
| Cộng | 62.431.541.809 | 62.533.041.809 |

(i) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (PVGas) liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư của dự án Bạc Liêu Tower. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho PVGas số tiền là 50.000.000.000 VND theo hợp đồng chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Bạc Liêu Tower ngày 12 tháng 8 năm 2010 ký giữa Công ty và PVGas. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán khoản công nợ này.

(ii) Đây là chênh lệch giữa giá trị Công ty nhận ứng trước để thi công cho Ban Quản lý Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau và giá trị sau quyết toán.

(iii) Đây là khoản phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí -3C như trình bày tại Thuyết minh số 12.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An-Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Mẫu số B 09-ĐN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm trước | 280.689.000.000 | 6.126.552.489 | 8.147.302.725 | (477.025.528.016) | (182.062.572.802) |
| Lãi trong năm | - | - | - | 2.016.344.841 | 2.016.344.841 |
| Số dư đầu năm nay | 280.689.000.000 | 6.126.552.489 | 8.147.302.725 | (475.009.183.175) | (180.046.327.961) |
| Lỗ trong năm | - | - | - | (1.840.528.106) | (1.840.528.106) |
| Số dư cuối năm nay | 280.689.000.000 | 6.126.552.489 | 8.147.302.725 | (476.849.711.281) | (181.986.856.067) |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 28.068.900 | 28.068.900 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 28.068.900 | 28.068.900 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 28.068.900 | 28.068.900 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 28.068.900 | 28.068.900 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000492299 thay đổi lần thứ 15 ngày 24 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, vốn điều lệ của Công ty là 280.689.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | VND | % | VND | % |
| Nhà đầu tư | | | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 150.000.000.000 | 53,44% | 150.000.000.000 | 53,44% |
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | 100.000.000.000 | 35,63% | 100.000.000.000 | 35,63% |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 18.202.000.000 | 6,48% | 18.202.000.000 | 6,48% |
| Cổ đông khác | 12.487.000.000 | 4,45% | 12.487.000.000 | 4,45% |
| Cộng | 280.689.000.000 | 100% | 280.689.000.000 | 100% |

19. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động cung cấp dịch vụ xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp trong ngành dầu khí và các công trình tư vấn đầu tư xây dựng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ xây lắp chuyên ngành công nghiệp dầu khí nằm trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------------|-----------------------|
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 5.483.548.443 | 11.865.419.744 |
| Doanh thu khác | 11.537.000 | - |
| Cộng | 5.495.085.443 | 11.865.419.744 |
| <i>Trong đó doanh thu đối với bên liên quan là</i> | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | 5.483.548.443 | 9.393.202.223 |
| Ban điều hành dự án Ban phía Nam | - | 2.438.308.430 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn hoạt động xây lắp | 5.483.548.443 | 15.826.209.460 |
| Giá vốn khác | 11.536.185 | - |
| Cộng | 5.495.084.628 | 15.826.209.460 |

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 786.196.160 | 787.436.640 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 542.090.502 | 544.963.200 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.232.856 | 1.451.371.548 |
| Chi phí khác | 275.235.949 | 260.702.896 |
| Cộng | 1.610.755.467 | 3.044.474.284 |

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|----------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | - | (9.249.067.259) |
| Cộng | - | (9.249.067.259) |

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 786.196.160 | 787.436.640 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 542.090.502 | 544.963.200 |
| Chi phí dự phòng | 46.754.201 | 481.244.618 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.232.856 | 13.543.137 |
| Các khoản chi phí bằng tiền khác | 228.481.748 | 260.702.896 |
| Cộng | 1.610.755.467 | 2.087.890.491 |

25. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền phạt chậm nộp thuế | 244.930.570 | 737.268.075 |
| Các khoản khác | 768.747 | 876.208.218 |
| Cộng | 245.699.317 | 1.613.476.293 |

002-C
 BAN HÀNH
 CÔNG TY
 HỮU HẠN
 DẦU KHÍ
 CẦN THƠ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐỒ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃU SỐ B 09-ĐN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | (1.840.528.106) | 2.016.344.841 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 126.500.000,0 | 1.661.680.156 |
| <i>Chi phí không được khấu trừ</i> | <i>126.500.000</i> | <i>1.661.680.156</i> |
| Thu nhập chịu thuế | (1.714.028.106) | 3.678.024.997 |
| Chuyển lỗ các năm trước | - | (3.678.024.997) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản lỗ còn được chuyển do khả năng có lãi trong tương lai là chưa chắc chắn.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (1.840.528.106) | 2.016.344.841 |
| Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm | 28.068.900 | 28.068.900 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (66) | 72 |

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | | |
| Trừ: Tiền và các khoản trong tương lai | (1.163.904.396) | (97.618.640) |
| Nợ thuần | - | - |
| Vốn chủ sở hữu | (181.886.856.067) | (180.046.327.961) |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | - | - |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.163.904.396 | 1.163.904.396 | 97.618.640 | 97.618.640 |
| Phải thu khách hàng | 11.779.621.387 | 11.779.621.387 | 33.828.010.569 | 33.828.010.369 |
| Phải thu khác | 80.000.004 | 80.000.004 | 996.125 | 996.125 |
| Tổng cộng | 13.023.525.787 | 13.023.525.787 | 33.926.625.134 | 33.926.625.134 |
| Công nợ tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 16.947.226.487 | 16.947.226.487 | 38.923.583.456 | 38.923.583.456 |
| Chi phí phải trả | 86.250.015.515 | 86.250.015.515 | 83.743.919.346 | 83.743.919.346 |
| Phải trả khác | 62.431.541.809 | 62.431.541.809 | 62.533.041.809 | 62.533.041.809 |
| Tổng cộng | 165.628.783.811 | 165.628.783.811 | 185.200.544.611 | 185.200.544.611 |

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay (thị) hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CH
 H
 C
 CH
 K
 BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
 131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MÃU SỐ B.09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.163.904.396 | 1.163.904.396 |
| Phải thu khách hàng | 11.779.621.387 | 11.779.621.387 |
| Phải thu khác | 80.000.004 | 80.000.004 |
| Tổng cộng | 13.023.525.787 | 13.023.525.787 |
| Số cuối năm | | |
| Phải trả người bán | 16.947.226.487 | 16.947.226.487 |
| Chi phí phải trả | 86.250.015.515 | 86.250.015.515 |
| Phải trả khác | 62.431.541.809 | 62.431.541.809 |
| Tổng cộng | 165.628.783.811 | 165.628.783.811 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (152.605.258.024) | (152.605.258.024) |
| Số đầu năm | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 97.618.640 | 97.618.640 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 33.828.010.369 | 33.828.010.369 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 996.125 | 996.125 |
| Tổng cộng | 33.926.625.134 | 33.926.625.134 |
| Số đầu năm | | |
| Phải trả người bán | 38.923.583.456 | 38.923.583.456 |
| Chi phí phải trả | 83.743.919.346 | 83.743.919.346 |
| Phải trả khác | 62.533.041.809 | 62.533.041.809 |
| Tổng cộng | 185.200.544.611 | 185.200.544.611 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (151.273.919.477) | (151.273.919.477) |

Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

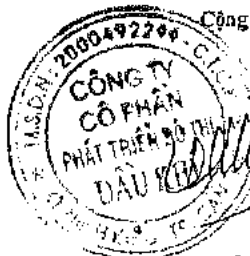
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 05, 08, 13, 14, 17, 18 và 20, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thủ lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Giám đốc trong năm:

| Họ tên | Chức vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyễn Thị Mỹ Linh (miễn nhiệm ngày 03/12/2021) | Chủ tịch HĐQT Kiểm Giám đốc | 238.800.000 | 238.800.000 |
| Võ Văn Hạo (miễn nhiệm ngày 30/12/2021) | Thành viên HĐQT | 204.648.000 | 204.648.000 |
| Trần Quốc Huy (miễn nhiệm ngày 30/12/2021) | Thành viên HĐQT | 204.648.000 | 204.648.000 |
| Nguyễn Văn Ánh | Thành viên HĐQT | 24.000.000 | 24.010.000 |
| Phú Ngọc Khánh | Thành viên HĐQT | 24.000.000 | 24.010.000 |
| | | <u>696.096.000</u> | <u>696.116.000</u> |



Cộng
Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
Phụ trách kế toán/ Người lập biểu



Số: 58 /TTr-HĐQT-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) đã sửa đổi, bổ sung lần thứ 8, ban hành ngày 14/8/2015;

Căn cứ tình hình SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch 2022 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2021:

Do lợi nhuận sau thuế năm 2021 là âm 1.840.52.106 đồng và lỗ lũy kế đến 31/12/2021 đang âm, căn cứ Điều 135 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Theo kế hoạch đến cuối năm 2022, lợi nhuận lũy kế của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí vẫn đang âm, căn cứ Điều 135 Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/6/2020, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chia cổ tức và phân phối lợi nhuận 2022.


Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD (để biết);
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Tri

TỔNG CTY CP XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số: 59 /TT-BKS-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) đã sửa đổi, bổ sung lần thứ 8, ban hành ngày 14/8/2015;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Để công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí được chính xác cũng như Báo cáo tài chính hàng năm được minh bạch, đánh giá đúng tình hình hoạt động của công ty thông qua một đơn vị độc lập, Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán có năng lực, kinh nghiệm, được đánh giá cao trong việc kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán Vaco;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trong trường hợp không ký kết được hợp đồng kiểm toán với một trong ba Công ty nêu trên thì kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng quy định, đảm bảo tuân thủ thời hạn công bố thông tin của Công ty niêm yết.

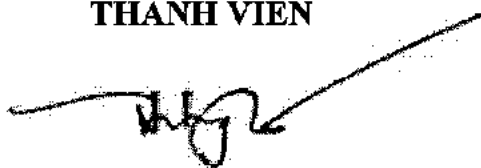
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD (để biết);
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN



Phan Quốc Phương

Số: 60 /TTr-HĐQT-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2002
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) đã sửa đổi, bổ sung lần thứ 8, ban hành ngày 14/8/2015;

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên Ban kiểm soát theo điều lệ quy định và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung quyết toán chi trả thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

1.1. Tiền lương, thù lao chi trả Hội đồng quản trị.

- Tổng tiền lương, thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị năm 2021 là 696.096.000 đồng.
Cụ thể như sau:

+ Tiền lương chi trả cho Hội đồng quản trị chuyên trách (Chủ tịch HĐQT và UV HĐQT): 648.096.000 đồng.

+ Thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị không chuyên trách: 48.000.000 đồng.

1.2. Thù lao chi trả Ban Kiểm soát năm 2021: 36.000.000 đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022:

2.1 Đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (bao gồm Giám đốc Công ty) và Ban kiểm soát làm việc tại Công ty hưởng mức lương theo Quy chế trả lương trả thưởng tại Công ty đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2 Đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 3,0 triệu đồng/người/tháng;

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 2,0 triệu đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2,0 triệu đồng/người/tháng;
- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 1,0 triệu đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD (để biết);
- Lưu: VT.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Bảng quyết toán tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2021;
- Phụ lục 2: Bảng kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2022.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Trí

Phụ lục số 1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÓ THỊ DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2022

BẢNG QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NĂM 2021

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Họ và tên Người đại diện | Chức danh | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện 2021 | TH so với KH | | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------|--------------|-------------|---------|
| | | | | | Số tiền | Tỷ lệ | |
| I | Hội đồng quản trị | | 696.116.000 | 696.096.000 | - | 100% | |
| 1 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc | 238.800.000 | 238.800.000 | | | |
| 2 | Võ Văn Hạn | TVHĐQT chuyên trách | 204.648.000 | 204.648.000 | | | |
| 3 | Trần Quốc Huy | TVHĐQT chuyên trách | 204.648.000 | 204.648.000 | | | |
| 4 | Phí Ngọc Khánh | TVHĐQT kiêm nhiệm | 24.010.000 | 24.000.000 | | | |
| 5 | Nguyễn Văn Ánh | TVHĐQT kiêm nhiệm | 24.010.000 | 24.000.000 | | | |
| II | Ban kiểm soát | | 36.000.000 | 36.000.000 | - | 100% | |
| 1 | Đặng Vũ Thường | TB Kiểm soát kiêm nhiệm | 12.000.000 | 12.000.000 | | | |
| 2 | Nguyễn Hữu Tú | TVBKS kiêm nhiệm | 12.000.000 | 12.000.000 | | | |
| 3 | Phan Quốc Phương | TVBKS kiêm nhiệm | 12.000.000 | 12.000.000 | | | |
| | Tổng cộng | | 732.116.000 | 732.096.000 | - | 100% | |

Do năm 2021 không tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên nên không có kế hoạch được phê duyệt

Phụ lục số 2

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NĂM 2022

| TT | Chức danh | Hệ số / lương | | | Phụ cấp/tháng | | | Qtcd | Qtqb | Qtpc | Qtlbs | Qtckh |
|-----------|-------------------------|---------------|-----------------------|----------------------|-----------------|--------------------------------|----------------|------|------|-------------|-------|-------------|
| | | Hệ số | Lương chức danh/tháng | Hệ số phụ cấp cơ bản | Phụ cấp thu hút | Phụ cấp kiêm nhiệm/trách nhiệm | Thưởng an toàn | | | | | |
| I | Hội đồng quản trị | | | | | | | | | 108.000.000 | | 108.000.000 |
| 1 | Kiểm nhiệm CT HĐQT | | | | | | 11.000.000 | | | 36.000.000 | | 36.000.000 |
| 2 | TVHĐQT kiểm Giám đốc | | | | | | 2.000.000 | | | 24.000.000 | | 24.000.000 |
| 3 | TVHĐQT kiểm nhiệm | | | | | | 2.000.000 | | | | | - |
| 4 | TVHĐQT kiểm nhiệm | | | | | | 2.000.000 | | | 24.000.000 | | 24.000.000 |
| 5 | TVHĐQT kiểm nhiệm | | | | | | 2.000.000 | | | 24.000.000 | | 24.000.000 |
| II | Ban kiểm soát | | | | | | 4.000.000 | | | 48.000.000 | | 48.000.000 |
| 1 | TB Kiểm soát kiểm nhiệm | | | | | | 2.000.000 | | | 24.000.000 | | 24.000.000 |
| 2 | TVBKS kiểm nhiệm | | | | | | 1.000.000 | | | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| 3 | TVBKS kiểm nhiệm | | | | | | 1.000.000 | | | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| | Tổng cộng | | | | | | 15.000.000 | | | 180.000.000 | | 180.000.000 |

Số: 61 /TT-HĐQT-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí đã sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/8/2015;

Do hiện nay văn phòng của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) tại trụ sở chính theo Giấy đăng ký doanh nghiệp đã không còn và để thuận tiện trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí như sau:

1. Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở làm việc của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí như sau:
 - Địa chỉ cũ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 131, đường Trần Hưng Đạo, Ninh Kiều, Cần Thơ;
 - Đổi địa chỉ về văn phòng PVC-Mekong tại: Lô D, Khu đô thị Dầu khí, đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm và các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm thực hiện việc thay đổi địa chỉ trụ sở làm việc của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.
3. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVC-Mekong, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Cập nhật nội dung liên quan đến việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở làm việc cho phù hợp với quy định của pháp chế cũng như tình hình thực tế của Công ty - Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của PVC-Mekong liên quan đến việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở làm việc của PVC-Mekong như mục 1 nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD (để biết);
- Lưu: VT.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Trí

Số: **62** /TT- HĐQT- ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022,
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật số 03/2022/QH15, Nghị định, Thông tư hướng dẫn mới ban hành và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí giai đoạn hiện nay. Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí như sau:

1. Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty

Công ty đã xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Quy chế mẫu ban hành theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

(Đính kèm Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty).

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Công ty đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo Quy chế mẫu ban hành theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

(Đính kèm Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, TCHC.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Trí

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2022

Dự thảo

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ-ĐTDK ngày .../...../2022 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong). Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HDQT và các thành viên HDQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên HDQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Các thành viên của HDQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HDQT trong hoạt động quản lý và đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT:

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

5. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch HĐQT do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;
- c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- f. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị ký và ban hành các nghị quyết, quyết định, văn bản của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt, thành viên HĐQT khác ký văn bản của Hội đồng quản trị khi có ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

7. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có);

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty, điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người điều hành khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp hoặc trên Phiếu lấy ý kiến của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT ký nghị quyết, quyết định nhưng không tán thành nội dung thì phải có ý kiến bảo lưu.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch:

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường:

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia

hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành sẽ chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 15. Người phụ trách quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty và hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị/ Thư ký Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị/ Thư ký Công ty khi được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành, không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động và bổ nhiệm người mới thay thế.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ của Công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một

thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp bất thường. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư, thư điện tử (E-mail), phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Đồng thời, căn cứ yêu cầu nội dung cụ thể của từng cuộc họp, những người điều hành khác và cán bộ quản lý khác tại các Phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc, bộ phận liên quan của Công ty có thể được mời dự họp.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (E-mail);

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản, các thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền dự họp và kể cả những người tham dự họp khác (nếu cần thiết), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và nghị quyết, quyết định phải được lưu giữ cùng một bộ hồ sơ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy phiếu ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các tài liệu giải trình kèm theo và gửi cho các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết chậm nhất 03 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên doanh nghiệp;
- b. Ngày phát hành phiếu lấy ý kiến;
- c. Họ, tên thành viên HĐQT lấy ý kiến;
- d. Nội dung cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác đối với nội dung lấy ý kiến;
- f. Chữ ký xác nhận của thành viên HĐQT lấy ý kiến;
- g. Thời hạn phải gửi về Hội đồng quản trị phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản được gửi đến các thành viên HĐQT thông qua thư, fax, thư điện tử (E-mail) hoặc bằng các phương thức liên lạc khác và ngược lại đối với việc gửi trả lời phiếu lấy ý kiến.

5. Để hỗ trợ hành động kịp thời của Hội đồng quản trị trong xử lý công việc, Thành viên HĐQT có thể gửi trước trả lời phiếu lấy ý kiến bằng bản sao chụp (bản scan) cho Chủ tịch HĐQT thông qua fax, thư điện tử (E-mail) hoặc các phương tiện khác và chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn trả lời phiếu lấy ý kiến, thành viên HĐQT phải gửi về Hội đồng quản trị bản gốc phiếu lấy ý kiến đã được trả lời kèm theo chữ ký tươi của thành viên đó để lưu trữ hồ sơ theo quy định.

6. Trường hợp hết thời hạn yêu cầu trả lời trên Phiếu lấy ý kiến, thành viên HĐQT chưa có ý kiến biểu quyết, chưa thực hiện gửi trả lời phiếu lấy ý kiến cho Chủ tịch HĐQT thì được coi là thành viên đó tán thành với nội dung Phiếu lấy ý kiến.

7. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Nghị quyết, quyết định thông qua theo hình thức này có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được thông qua trên cơ sở kết quả kiểm phiếu biểu quyết phải được lưu giữ cùng một bộ hồ sơ tại trụ sở chính Công ty.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm:

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT:

1. Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng lương, thù lao công việc và thưởng. Tiền lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan:

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

**CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT:

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban điều hành:

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các văn bản, nghị quyết, quyết định để Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản, nghị quyết, quyết định đó.

Điều 24. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát:

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Hiệu lực thi hành:

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí bao gồm 07 Chương, 25 Điều, được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Cà Mau, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-DHĐCĐ-ĐTDK ngày ... tháng ... năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông:

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và Pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2.2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp:

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký thực hiện quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

- Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

- Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; Phiếu biểu quyết/ Phiếu lấy ý kiến biểu quyết/ Phiếu bầu cử. Trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp, Công ty sẽ đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b ở trên;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b ở trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c ở trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ

phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký/ mã cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và được ủy quyền). Trường hợp cấp Phiếu lấy ý kiến biểu quyết, ngoài các nội dung được ghi như Thẻ biểu quyết còn có thêm các nội dung biểu quyết và tình trạng biểu quyết.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.

2.8. Điều kiện tiến hành:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 30% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Việc biểu quyết được thực hiện theo 02 hình thức sau:

- Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (trường hợp biểu quyết công khai);
- Biểu quyết bằng cách bỏ Phiếu lấy ý kiến biểu quyết (trường hợp biểu quyết kín).

2.10. Cách thức bỏ phiếu:

a. Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết:

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền chỉ được biểu quyết một lần đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội.

b. Biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến biểu quyết:

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình bằng cách bỏ Phiếu lấy ý kiến biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng việc đánh dấu √ hoặc X vào một trong ba ô cần biểu quyết: tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến, sau đó cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu của Đại hội.

- Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến biểu quyết hợp lệ phải thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Phiếu do Công ty phát hành và có đóng dấu treo của Công ty;

+ Phiếu có chữ ký của cổ đông/ người đại diện được ủy quyền hợp lệ;

+ Phiếu không được tẩy xóa, sửa đổi nội dung biểu quyết;

+ Phiếu không được ghi bằng bút chì;

+ Phiếu không được ghi thêm bất kỳ nội dung nào ngoài các nội dung biểu quyết do Đại hội đưa ra;

- Phiếu được phát ra nhưng cổ đông không thực hiện việc bỏ phiếu vào thùng phiếu được xem là phiếu “Không có ý kiến” đối với các nội dung biểu quyết.

2.11. Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

a. Đối với hình thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

- Sau khi Chủ tọa xin ý kiến Đại hội về từng nội dung biểu quyết, Ban Kiểm phiếu sẽ đếm, ghi nhận và tổng hợp tình trạng biểu quyết (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) và tỷ lệ biểu quyết theo từng tình trạng so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội;

- Ban Kiểm phiếu tiến hành lập Biên bản kiểm phiếu.

b. Đối với hình thức biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến biểu quyết:

- Sau khi cổ đông hoàn tất việc bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu thu thập Phiếu lấy ý kiến biểu quyết từ thùng phiếu, kiểm tra tính hợp lệ và thực hiện việc kiểm phiếu;

- Kết quả biểu quyết sẽ được xác định cho từng nội dung biểu quyết;

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm ghi nhận, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết;

- Kết quả biểu quyết được ghi thành Biên bản kiểm phiếu, các thành viên Ban Kiểm phiếu ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch, đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

- Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính sau:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian, địa điểm bỏ phiếu;

+ Thành phần Ban Kiểm phiếu;

- + Số cổ đông tham dự họp, số cổ đông đã tham gia bỏ phiếu (số phiếu phát ra, thu về);
- + Các nội dung biểu quyết;
- + Số phiếu và tỷ lệ phiếu hợp lệ/ không hợp lệ;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu (nếu có).

2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 60% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm c mục này, điểm h mục 3.2 khoản 3 Điều 2 ở dưới và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, c mục này, điểm h mục 3.2 khoản 3 Điều 2 ở dưới và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

d. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm phiếu biểu quyết của từng nội dung biểu quyết/ kết quả bầu cử tại Đại hội.

2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm d mục 2.12 khoản 2 Điều 2 ở trên.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

b. Đối với việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông ở trên với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- Họ tên Chủ tọa và Thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm này. Biên

bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm thông qua.
- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

3.1. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại điểm c1 mục 2.12 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến; yêu cầu, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự như quy định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

g. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

4.1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự như tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông truyền thống quy định tại các mục từ 2.1 đến 2.4 khoản 2 Điều 2 ở trên.

4.2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được Công ty thông báo tại Thư mời họp hoặc đăng tải lên website Công ty.

- Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

4.3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cách thức ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực sẽ được Công ty thông báo tại Thư mời họp hoặc đăng tải lên website Công ty.

4.4. Điều kiện tiến hành:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký dự họp trên hệ thống đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết, tương tự như quy định điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông truyền thống tại mục 2.8 khoản 2 Điều 2 ở trên.

b. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đường truyền của hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban Tổ chức đại hội hoặc Ban Chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật tài khoản truy cập vào hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ hệ thống.

4.5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện tương tự như quy định thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông truyền thống tại mục 2.12 khoản 2 Điều 2 ở trên;

4.6. *Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:* Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử được quy định tại mục 4.6.2 khoản 4 Điều 2 ở dưới.

4.6.1. *Thời điểm biểu quyết:*

a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại điểm b mục này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

b. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên hệ thống sẽ được Ban Tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.

c. Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.

d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

4.6.2. *Bỏ phiếu điện tử:*

Cách thức bỏ phiếu điện tử tại Đại hội đồng cổ đông trực sẽ được Công ty thông báo tại Thư mời họp hoặc đăng tải lên website Công ty.

4.7. *Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:* Cách thức kiểm phiếu trực tuyến tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được Công ty thông báo tại Thư mời họp hoặc đăng tải lên website Công ty.

4.8. *Thông báo kết quả kiểm phiếu:*

- Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết/ bầu cử và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định.

- Kết quả biểu quyết/ bầu cử được Ban Chủ tọa hoặc Ban Kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

4.9. *Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:*

- Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tương tự như cuộc họp truyền thống quy định tại mục 2.15 khoản 2 Điều 2 ở trên.

- Biên bản cuộc họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

4.10. *Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:* Thực hiện công bố nghị quyết tương tự như quy định cuộc họp Đại hội đồng cổ đông truyền thống tại mục 2.16 khoản 2 Điều 2 ở trên.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

5.1. *Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:* Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự như quy định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông truyền thống và trực tuyến quy định tại Quy chế này.

5.2. *Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:* Các cổ đông có thể đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng cách trực tiếp đăng ký tham dự tại địa điểm chính tổ chức Đại hội hoặc đăng ký tham dự trên hệ thống Đại hội trực tuyến. Cách thức đăng ký thực hiện theo như quy định tại mục 2.7 khoản 2 và mục 4.2 khoản 4 Điều 2 ở trên. Hướng dẫn cách thức đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Công ty thông báo tại Thư mời họp hoặc đăng tải lên website Công ty.

5.3. *Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:* Thực hiện kết hợp cả 02 cách thức ủy quyền theo Đại hội truyền thống quy định tại mục 2.6 và ủy quyền theo Đại hội trực tuyến quy định tại mục 4.3 khoản 2 Điều 2 ở trên.

5.4. *Điều kiện tiến hành:* Thực hiện tương tự như quy định điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông truyền thống tại mục 2.8 và Đại hội trực tuyến tại mục 4.4 khoản 2 Điều 2 ở trên.

5.5. *Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:* Thực hiện tương tự như quy định thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông truyền thống tại mục 2.12 khoản 2 Điều 2 ở trên;

5.6. *Cách thức bỏ phiếu:* Thực hiện kết hợp cả 02 cách thức bỏ phiếu truyền thống quy định tại mục 2.10 và bỏ phiếu điện tử quy định tại mục 4.6 khoản 2 Điều 2 ở trên.

5.7. *Cách thức kiểm phiếu:* Thực hiện kết hợp cả 02 cách thức kiểm phiếu truyền thống quy định tại mục 2.11 và kiểm phiếu điện tử quy định tại mục 4.6 khoản 2 Điều 2 ở trên.

5.8. *Thông báo kết quả kiểm phiếu:* Trên cơ sở tổng hợp kết quả bỏ phiếu biểu quyết trực tiếp và bỏ phiếu biểu quyết điện tử trên hệ thống, Ban kiểm phiếu thực hiện công bố kết quả trước Đại hội.

5.9. *Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:* Thực hiện tương tự như lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông truyền thống quy định tại mục 2.15 khoản 2 Điều 2 ở trên.

5.10. *Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:* Thực hiện tương tự như công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông truyền thống quy định tại mục 2.16 khoản 2 Điều 2 ở trên.

Điều 3. Hội đồng quản trị:

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

1.3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

2.2.1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2.2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

- Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a trên được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

c. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

2.5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Trường hợp khác quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại mục 2.5.1 và 2.5.2 ở trên.

2.5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b ở trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có);
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

b. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đơn ứng cử, đơn đề cử vào chức danh hành viên Hội đồng quản trị của cổ đông là cá nhân:

- Đơn ứng cử tham gia Hội đồng quản trị (Theo mẫu của Công ty);
 - Đơn đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo mẫu của Công ty);
 - Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo mẫu của Công ty);
- b. Đơn ứng cử, đơn đề cử vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông là tổ chức:
- Đơn đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo mẫu của Công ty);
 - Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo mẫu của Công ty);
- c. Bản kê khai lý lịch và tóm tắt quá trình công tác (ứng viên Hội đồng quản trị tự khai theo mẫu của Công ty);
- d. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn (nếu có);

Người ứng cử, được đề cử giới thiệu vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị phải tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông của Công ty về tính chính xác, trung thực của hồ sơ ứng cử, đề cử.

2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.

3. Tiền lương, phụ cấp, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

- Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương, thù lao công việc và thưởng. Tiền lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới

tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

4.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

4.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

b. Đề nghị quy định tại điểm a ở trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a ở trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp bất thường. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư, thư điện tử (E-mail), phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban Kiểm soát: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4.5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong

thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4.6. Cách thức biểu quyết:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại mục 4.8 dưới;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (E-mail);
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

b. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4.7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4.8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản, các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp và kể cả những người tham dự họp khác (nếu cần thiết), trừ trường hợp quy định tại mục 4.10 khoản 4 Điều 3 ở dưới.

b. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

c. Biên bản họp Hội đồng quản trị, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và nghị quyết, quyết định phải được lưu giữ cùng một bộ hồ sơ tại trụ sở chính của Công ty.

d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4.10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a mục 4.9 khoản 4 Điều 3 ở trên thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

4.11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày ban hành nghị quyết, quyết định đó.

5. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền lấy phiếu ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các tài liệu giải trình kèm theo và gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết chậm nhất 03 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

- Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên doanh nghiệp;

+ Ngày phát hành phiếu lấy ý kiến;

+ Họ, tên thành viên Hội đồng quản trị lấy ý kiến;

+ Nội dung cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;

+ Phương án biểu quyết bao gồm đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác đối với nội dung lấy ý kiến;

+ Chữ ký xác nhận của thành viên Hội đồng quản trị lấy ý kiến;

+ Thời hạn phải gửi về Hội đồng quản trị phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị thông qua thư, fax, thư điện tử (E-mail) hoặc bằng các phương thức liên lạc khác và ngược lại đối với việc gửi trả lời phiếu lấy ý kiến.

- Để hỗ trợ hành động kịp thời của Hội đồng quản trị trong xử lý công việc, Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi trước trả lời phiếu lấy ý kiến bằng bản sao chụp (bản scan) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua fax, thư điện tử (E-mail) hoặc các phương tiện khác và chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn trả lời phiếu lấy ý kiến, thành viên Hội đồng quản trị phải gửi về Hội đồng quản trị bản gốc phiếu lấy ý kiến đã được trả lời kèm theo chữ ký tươi của thành viên đó để lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hết thời hạn yêu cầu trả lời trên Phiếu lấy ý kiến, thành viên Hội đồng quản trị chưa có ý kiến biểu quyết, chưa thực hiện gửi trả lời phiếu lấy ý kiến cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì được coi là thành viên đó tán thành với nội dung Phiếu lấy ý kiến.

- Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu biểu quyết tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định thông qua theo hình thức này có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được thông qua trên cơ sở kết quả kiểm phiếu biểu quyết phải được lưu giữ cùng một bộ hồ sơ tại trụ sở chính Công ty.

6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành sẽ chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

7.1. *Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:* Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

7.2. *Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:*

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty và hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị/ Thư ký Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm.

7.3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị/ Thư ký Công ty khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành, không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động và bổ nhiệm người mới thay thế.

7.4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

7.5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ của Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát:

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

1.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:

- a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

j. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

k. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

l. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

m. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

n. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

o. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

p. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

q. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

r. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

s. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác trong các hoạt động.

t. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

u. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

v. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

w. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

x. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

y. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e. Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d mục này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

a. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

c. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

2.2.1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác;

- Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2.2.2. Trưởng Ban Kiểm soát: phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a ở trên được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề

cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

2.4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

- a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại mục 2.2 khoản 2 Điều 4 Quy chế này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác;
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

b. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

2.7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát:

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Giám đốc:

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:

1.1. Vai trò, trách nhiệm của Giám đốc: Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty;

- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

- Tuyển dụng lao động;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

2.2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc:

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

2.3. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc:

Hội đồng quản trị quyết định việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc.

2.4. Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc:

Việc thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

2.5. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc: Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác:

Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc:

Được thực hiện tương tự như tổ chức một cuộc họp thông thường của Hội đồng quản trị quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát, Giám đốc:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được hệ thống văn thư của Công ty thông báo/sao gửi cho Ban Kiểm soát, Giám đốc bằng bản cứng hoặc bản mềm qua hệ thống thư điện tử (E-mail) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị ngay sau thời điểm Hội đồng quản trị ban hành văn bản đó.

3. Các trường hợp Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản lý hoặc hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- Các vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông cần phải tổ chức ngay cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết;
- Các vấn đề mà Giám đốc, Ban Kiểm soát cho là cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Các vấn đề vượt ngoài thẩm quyền quyết định của Giám đốc phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình triển khai, tiến độ, kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng tháng/ quý/ năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc:

- Hàng quý, sáu tháng và hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ tổ chức rà soát, kiểm điểm và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định và các nội dung ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối cho Giám đốc.
- Tại các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị, Giám đốc phải có báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các vấn đề đã được Hội đồng quản trị ủy quyền giữa hai kỳ họp để Hội đồng quản trị nắm bắt và có phương án xử lý kịp thời.

6. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

6.1. Giám đốc phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong thời hạn 01 giờ, kể từ khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

- Tài khoản Công ty bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế;

- Các vấn đề quan trọng/nghiêm trọng/hệ trọng liên quan đến hoạt động của Công ty.

6.2. Cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Các thông tin, tài liệu báo cáo phải được lập thành văn bản và gửi cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể thông báo hoặc gửi ngay cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thông qua các hình thức như điện thoại, fax, thư điện tử (E-mail) hoặc các phương tiện thông tin khác để kịp thời xem xét, xử lý và giải quyết công việc.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể:

7.1. Việc phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

7.2. Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của mình như sau:

a. Đối với Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Ban Kiểm soát có quyền kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

- Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty. Tại các cuộc họp này, Hội đồng quản trị phải tiếp thu và ghi nhận các ý kiến đóng góp, đề xuất và kiến nghị của Ban Kiểm soát (nếu có);

- Hội đồng quản trị phải tạo điều kiện để Ban Kiểm soát phát huy tác dụng công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất;

- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và các cá nhân liên quan, đồng thời khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát theo quy định của Công ty;

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật thông tin và không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bảo mật/ bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

b. Đối với Giám đốc:

- Thành viên của Hội đồng quản trị không được nhân danh Hội đồng quản trị can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Giám đốc trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Hội đồng quản trị có thể tham dự các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp khác của Ban điều hành Công ty.

- Hội đồng quản trị có quyền sử dụng các Phòng ban chuyên môn của Công ty giúp cho công việc của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác điều hành của Giám đốc. Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Hội đồng quản trị.

- Đối với các vấn đề nội dung Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định: Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phòng ban chuyên môn Công ty chuẩn bị các nội dung cần thiết để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, quyết định. Các nội dung trên phải được gửi cho Hội đồng quản trị ít nhất 45 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.

- Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị: Giám đốc có trách nhiệm lập tờ trình gửi Hội đồng quản trị (kèm theo tờ trình là các văn bản, tài liệu có liên quan đến các nội dung cần trình và phải gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp/ lấy ý kiến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Trong quá trình xem xét quyết định các nội dung mà Giám đốc trình, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc bổ sung các tài liệu liên quan và làm rõ các nội dung mà Giám đốc trình, trước khi Hội đồng quản trị ra quyết định.

- Tất cả các tài liệu do Giám đốc trình và gửi Hội đồng quản trị phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc: Giám đốc trực tiếp quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này. Sau khi ra quyết định, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị.

- Khi Giám đốc ra quyết định ký bất kỳ văn bản nào trái quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty thì Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hủy bỏ văn bản đó. Nếu Giám đốc không thi hành thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ra văn bản đình chỉ thi hành quyết định này và ra thông báo tới tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải trao đổi công việc thường xuyên với nhau ít nhất một tuần/lần.

- Giám đốc có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng quản trị để xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.

- Khi có thư mời, Giám đốc có thể tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, nhưng Giám đốc không có quyền biểu quyết nếu không phải đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

- Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị.

- Giám đốc được quyền không thực hiện và kiến nghị điều chỉnh những quyết định của Hội đồng quản trị trái với pháp luật, trái với quy định nội bộ và Điều lệ Công ty. Nếu Hội đồng quản trị không có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày, thì tùy theo yêu cầu về thời gian, tính chất của vụ việc cụ thể, Giám đốc báo cáo với cấp trên có thẩm quyền hoặc đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường Đại hội đồng cổ đông để xử lý.

- Phân cấp quyền hạn giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc: Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Giám đốc quyết định bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể.

8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác:

8.1. Quy định đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng:

a. Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác tổ chức kiểm điểm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình, việc phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được chia thành các mức sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Hoàn thành nhiệm vụ
- Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

b. Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác, Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng của Công ty, quỹ thưởng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi Công ty vượt kế hoạch lợi nhuận. Mức khen thưởng cụ thể sẽ căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty để xây dựng cho phù hợp.

8.2. Quy định xử lý vi phạm, kỷ luật:

a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác để xác định mức độ hoàn thành và hình thức kỷ luật theo quy định của Công ty và pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự

cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành:

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí bao gồm 7 Điều, được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

4. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TỔNG CTY CP XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số: 63 /TTr-BKS-ĐTĐK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định, Thông tư hướng dẫn mới ban hành và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí giai đoạn hiện nay. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Quy chế mẫu ban hành theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

(Đính kèm Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

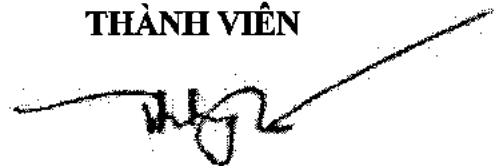
Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí xem xét và thông qua.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN**



Phan Quốc Phương

Cà Mau, ngày ... tháng ... năm 2022.

Dự thảo

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ-ĐTK ngày ... tháng ... năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong). Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác;

d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát:

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên và từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải

thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông:

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát họp ít nhất mỗi quý một (01) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát:

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm:

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan:

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát:

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công

ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành:

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị:

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành:

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí bao gồm 07 Chương, 22 Điều, được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TỔNG CTY CP XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/TTr-HĐQT-ĐTĐK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng
dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí đã sửa đổi, bổ sung được
Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/8/2015;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội
dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh theo
nguyện vọng cá nhân;
2. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Phan Quốc Phương theo
nguyện vọng cá nhân;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD (để biết);
- Lưu: VT.



Nguyễn Trung Trí

Số: 65 /TT-HĐQT-ĐTDK

Cà Mau, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí đã sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/8/2015;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với: Ông Phan Tử Quân giữ chức Ủy viên Hội đồng quản trị.
2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Hoàng Ngọc Dũng - Chuyên viên Ban TCKT-KT Tổng công ty PETROCONS giữ chức thành viên Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!


Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ (để biết);
- Lưu: VT.

Đính kèm:

- Hồ sơ năng lực kinh nghiệm
ông Phan Tử Quân, Hoàng Ngọc Dũng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Trung Trí

PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống



Tóm tắt

Là một chuyên gia năng động, tinh tổ chức cao và luôn thể hiện tinh thần làm việc theo nhóm. Đã có 11 năm kinh nghiệm về quản lý dự án và có nhiều thành tựu nổi bật trong việc bàn giao dự án đúng tiến độ, chất lượng cao và trong ngân sách bằng việc tổ chức, quản lý và tận dụng nhiều nguồn lực của công ty.

Kinh nghiệm

Công ty Vestas Asia Pacific | Giám đốc công trường | 07-2021 đến 11-2021

Dự án nhà máy Tân Phú Đông 2 | Giám đốc công trường | 07-2021 đến 11-2021

Bàn giao thành công dự án công tác lắp đặt, chạy thử và bàn giao 12 trụ gió đúng tiến độ COD 31/10/2021.

Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Dịch vụ Việt Nam | Chuyên gia tư vấn hệ thống và quản lý dự án | 10-2020 đến 06-2021

Dự án: nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Liệt, Phú Lạc 2 & Lợi Hải 2, Hồng Phong | Chuyên gia tư vấn hệ thống và quản lý dự án | 10-2020 đến 06-2021

Tư vấn và cung cấp giải pháp để xây dựng hệ thống công ty và quy trình quản lý dự án thành công cho các dự án bên dưới.

Công ty TNHH Turner Vietnam | Giám đốc dự án/ Giám đốc công trường/ Tư vấn giám sát xây dựng | 12-2016 đến 05-2021

Công ty TNHH Turner Vietnam | Giám đốc hệ thống | 12-2019 đến 05-2020

Điều hành việc cải tiến nâng cấp hệ thống quản lý của công ty.

Dự án One Central | Giám đốc dự án | 02-2021 đến 05-2021

Quản lý thành công giai đoạn thiết kế, quản lý đầu thầu và thi công khối đế của dự án.

Dự án Marriott Hoi An Resort and Spa | Giám đốc dự án | 12-2020 đến 02-2021

Quản lý thành công giai đoạn thiết kế, đầu thầu và xây dựng nền móng của dự án.

Dự án toà cao ốc văn phòng Điện Biên Phủ | Giám đốc công trường | 01-2020 đến 11-2020

Quản lý thành công giai đoạn hoàn thiện và chạy thử.

Bằng cấp

Kỹ sư kỹ thuật công nghiệp

Cử nhân quản trị kinh doanh

Chứng chỉ hành nghề

Quản lý dự án và giám sát dự án hạng 1

Kinh nghiệm

11 năm

Liên lạc

Email:

quanphantu@gmail.com

Tel: +84 348687979

PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống

Dự án Hilton Saigon Hotel | Giám đốc công trường | 05-2019 đến 12-2019
Quản lý thành công giai đoạn hoàn thiện của dự án.

Dự án Alma Resort | Trưởng Tư vấn xây dựng | 06-2018 đến 04-2019
Quản lý công việc tại công trường và bàn giao thành công công tác kết cấu và hoàn thiện.

Dự án toà cao ốc văn phòng Điện Biên Phủ | Giám đốc xây dựng | 11-2017 đến 06-2018
Quản lý công trường và bàn giao thành công giao đoạn nền móng và khối đế.

Dự án sân bay quốc tế Cam Ranh | Tư vấn giám sát xây dựng | 01-2017 đến 10-2017
Quản lý công trường và bàn giao thành công về phần xây dựng kết cấu.

Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất | Trưởng phòng quản lý dự án | 02-2015 đến 06-2016

Trên 30 dự án trong đó có các dự án tiêu biểu: đóng mới sà lan nhà ở cho 150 người, đóng mới 02 tàu AHTS, sửa chữa tàu cầu Trường Sa, sà lan hạ thủy VSP05, tàu chứa dầu VSP02, các tàu chở dầu Hercules/ Athena/ Mercury

Quản lý thành công các dự án của công ty về tiến độ, chất lượng và chi phí. Đem lại lợi nhuận cao cho công ty. Đồng thời xây dựng thành công hệ thống quản lý dự án mới cho công ty.

Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu Khí | Giám đốc dự án/ Trợ lý giám đốc dự án/ Kỹ sư dự án | 06-2010 đến 12-2014

Dự án đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05 | Trợ lý giám đốc dự án | 11-2013 đến 12-2014

Dự án sửa chữa nâng cấp giàn khoan West Telesto | Giám đốc dự án | 10-2013 đến 12-2013

Dự án sửa chữa nâng cấp giàn khoan Naga 03 và Naga 06 | Giám đốc dự án | 03-2013 đến 10-2013

Dự án sửa chữa nâng cấp giàn khoan West Vigilant | Trợ lý Giám đốc dự án | 09-2012 đến 11-2012

Dự án đóng mới giàn khoan Tam Đảo 03, lắp đặt chân cho tàu nâng Teras Conquest | Kỹ sư dự án | 06-2010 đến 08-2012

PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống

(biểu tượng)

TU- đại học tổng hợp kỹ thuật CLAUSTHAL

Khoa Năng lượng và khoa học kinh tế

VĂN BẰNG KỸ SƯ

Đại học tổng hợp kỹ thuật CLAUSTHAL

Khoa Năng lượng và khoa học kinh tế

Bằng văn bằng này

Cấp cho

Anh/ông

PHAN TU QUAN

Sinh ngày 06.10.1986 tại Hà Nội/ Việt Nam

Học vị đại học

KỸ SƯ

(viết tắt: B.Sc.)

Đã đậu kỳ thi kỹ sư sau khóa đào tạo trong lĩnh vực khoa học

ngành KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Vào ngày 13.04.2010.

Clausthal-Zellerfeld, ngày 13.04.2010

Hiệu trưởng (đã ký và đóng dấu)

Trưởng khoa Khoa Năng lượng và khoa học kinh tế

(tr. W. d. G. b.)

Clausthal-Zellerfeld, đại học tổng hợp kỹ thuật Clausthal

(đã ký)

1302

N PH

IG C

NH

13

PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống



Đề tài: Dự án: 10 - Các hợp tác kỹ thuật CLAUSTHAL

BẢN DỊCH

Khoa Năng lượng và khoa học kinh tế (quản trị kinh doanh)

VĂN BẰNG CỬ NHÂN

Đại học tổng hợp kỹ thuật CLAUSTHAL

Khoa Năng lượng và khoa học kinh tế (quản trị kinh doanh)

Bằng văn bằng này

Cấp cho

Anh/ông

PHAN TỬ QUÂN

Sinh ngày 09/10/1986 tại: Hà Nội / Việt Nam

Học vị đại học

CỬ NHÂN KHOA HỌC

(viết tắt: B.Sc.)

Sau khi đã đậu kỳ thi cử nhân tại Khoa kinh tế

Ngành QUẢN TRỊ KINH DOANH

Vào ngày 13.10.2009.

Clausthal-Zellerfeld, ngày 13/10/2009

Hiệu trưởng (đã ký và đóng dấu)

(mã W d G b)

Còn dấu chỉ từ: Đại học tổng hợp kỹ thuật Clausthal

Trưởng khoa Khoa Năng lượng và khoa học kinh tế

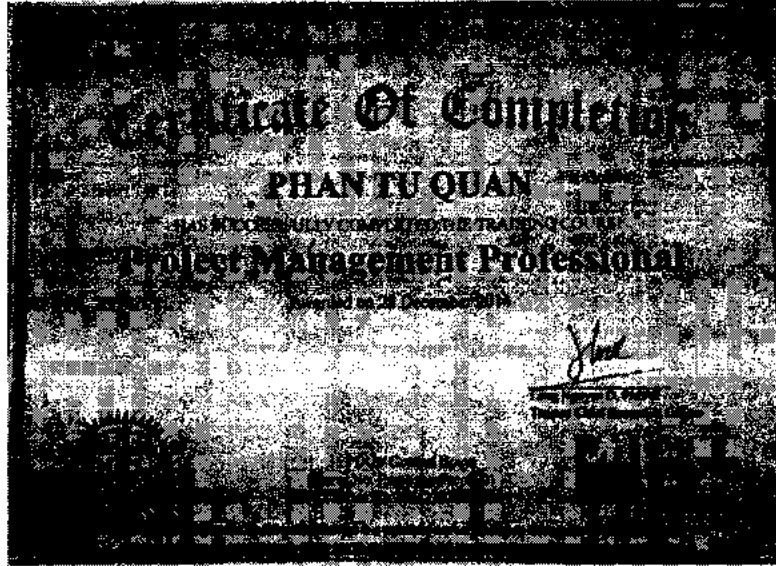
(quản trị kinh doanh)

(đã ký)

(Handwritten signature)

PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống

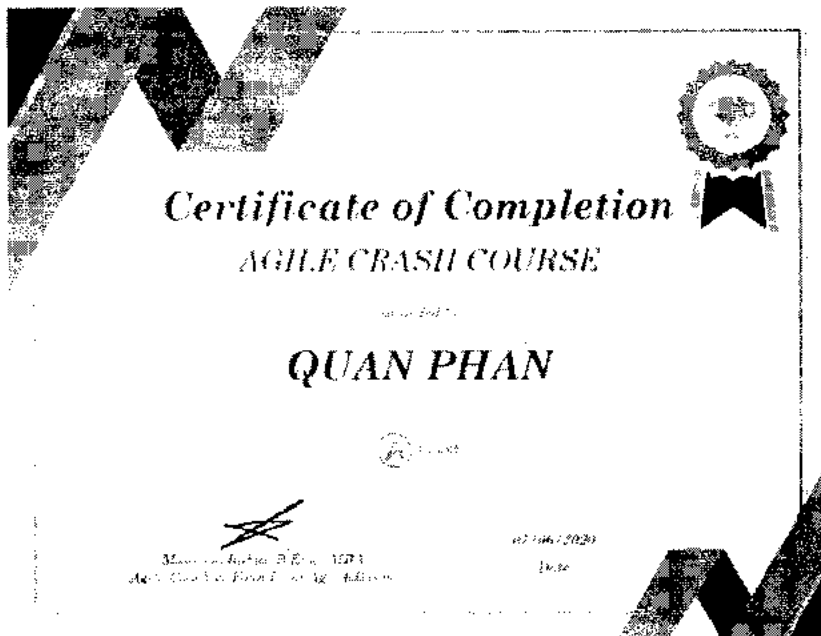
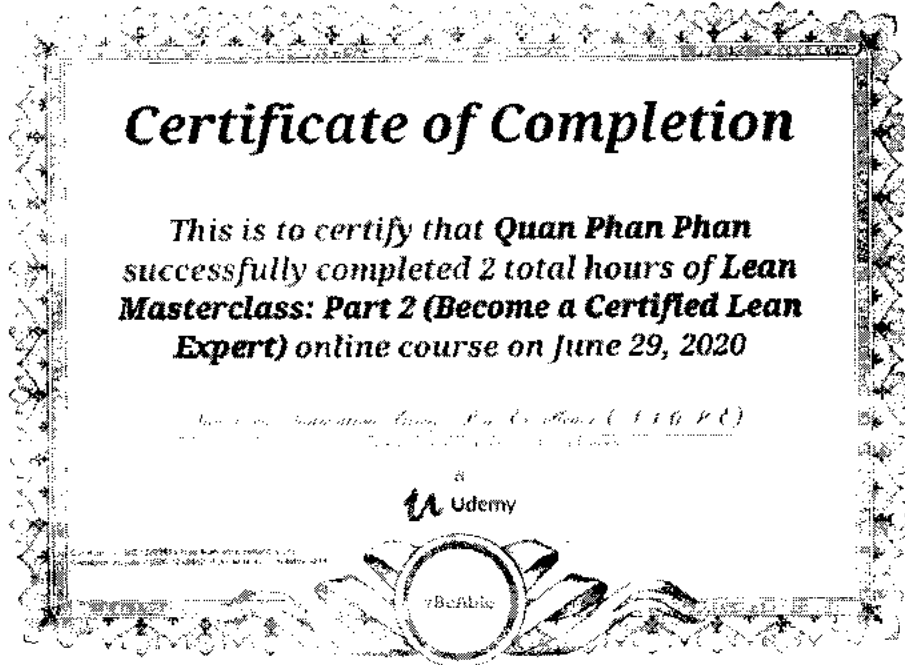


PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống

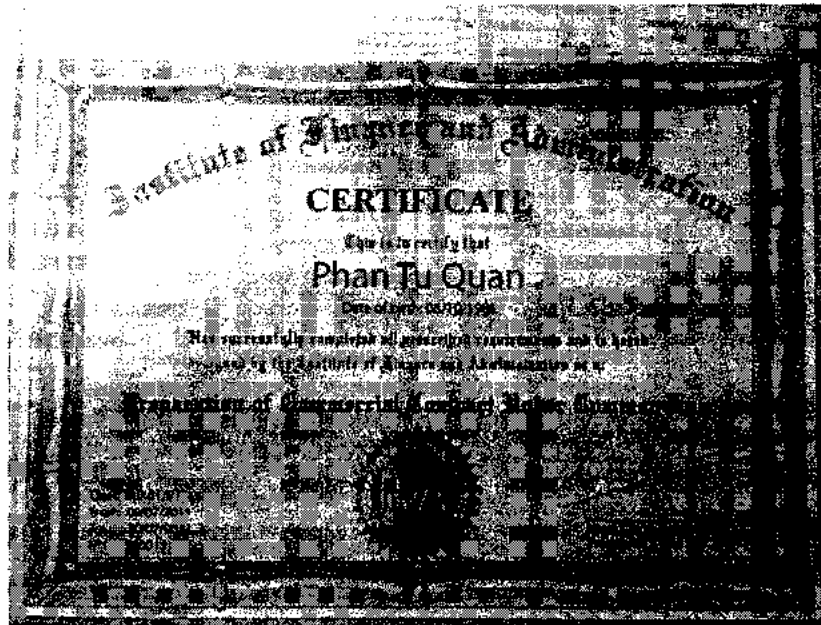
PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống



PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống



PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống

Turner University

Completion Certificate

This is to certify that

Quan Phan

has successfully completed

2018 Business Ethics Policy Acknowledgements

on 03/06/2018

Turner Knowledge Network
Paul Wypasek, Business Manager

Turner University

Completion Certificate

This is to certify that

Quan Phan

has successfully completed

Time Management


on 08/07/2018

Turner Knowledge Network
Paul Wypasek, Business Manager

PHAN TỬ QUÂN

Trưởng phòng dự án/ Giám đốc dự án/ Giám đốc hệ thống

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chức vụ của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Phan Tử Quân
Ngày tháng năm sinh: 06/10/1996
Số CM/CCND (hoặc số hộ chiếu): 023897652
Cấp ngày: 24/5/2014 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh
CHUYÊN NGHIỆP

Nội dung được phân công quản lý hoạt động kỹ thuật:


| STT | Loại việc khác ngoài | Ngày | Thời gian |
|-----|---|------|-----------|
| 1 | Quản lý dự án xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp | | |
| 2 | Quản lý dự án xây dựng công trình công nghiệp | | |

CHUYÊN NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUYÊN NGHIỆP

SỞ CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CHUYÊN NGHIỆP



CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP

CHUYÊN NGHIỆP